

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Nguyễn Thị Duyên**  
Giảng viên hướng dẫn: **Ths.Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Duyên  
Giảng viên hướng : Ths.Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Duyên

Mã SV: 110287

Lớp: QT1104K

Ngành: Kế toán – kiểm toán

Tên đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Long**”

## LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế càng ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác. Vì vậy, các doanh nghiệp phải thường xuyên theo dõi tình hình biến động của thị trường đưa ra các chiến lược tiêu thụ kịp thời để hạn chế những bất lợi đối với lợi nhuận của Doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm sao đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với Doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính...

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Kim Long em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài "*Hoàn thiện công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Long*".

Kết cấu chuyên đề ngoài lời mở đầu và kết luận gồm 3 phần chính:

***Chương I: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

***Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Long***

***Chương III: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Long.***

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về công ty còn hạn chế chắc chắn bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong được sự góp ý trao đổi kiến thức của các thầy cô giáo và các anh chị kế toán của công ty nhằm giúp khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

Sinh viên

Nguyễn Thị Duyên

**CHƯƠNG I****LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG  
DOANH NGHIỆP****1.1. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh****1.1.1. Khái quát về doanh thu**

*Doanh thu*: là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

**1.1.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

❖ *Khái niệm*: là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

❖ *Điều kiện ghi nhận doanh thu*

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC.

*Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ Các hình thức bán hàng trong doanh nghiệp

- Bán hàng theo phương thức đại lý, ký gửi

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm, hàng hóa gửi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ, hàng gửi đi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán.

- Phương thức bán lẻ

Theo phương thức này doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

- Phương thức bán trực tiếp

Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng và hàng đó được xác định là tiêu thụ.

- Phương thức bán hàng giao thẳng

Phương pháp bán hàng này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại. Theo phương thức này, doanh nghiệp mua hàng của người cung cấp bán

thăng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp, kho đó nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời.

- Phương thức bán trả góp

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

#### 1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

❖ *Chiết khấu thương mại*: Là khoản mà người bán thưởng cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua, bán hàng.

❖ *Giảm giá hàng bán*: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

❖ *Hàng bán bị trả lại*: Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

❖ *Thuế xuất khẩu*: Thuế xuất khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

❖ *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

❖ *Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp*: là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

### 1.1.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

### 1.1.1.4. Thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như:

- Thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý sổ sách
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà nước hoàn lại
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.



- Các khoản thu nhập khác.

### **1.1.2. Khái quát về chi phí**

#### **1.1.2.1. Giá vốn hàng bán**

❖ Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa ra để bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành.

❖ Đối với doanh nghiệp thương mại: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí thu mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

#### **1.1.2.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

❖ Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- *Chi phí nhân viên quản lý*: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- *Chi phí vật liệu quản lý*: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- *Chi phí đồ dùng văn phòng*: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- *Chi phí khấu hao tài sản cố định*: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn.

- *Thuế phí, lệ phí*: các khoản thuế như thuế nhà, thuế đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- *Chi phí dự phòng*: khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- *Chi phí bằng tiền khác*: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

### 1.1.2.3. Chi phí bán hàng

*Chi phí bán hàng* là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm:

- *Chi phí nhân viên bán hàng*: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).

- *Chi phí vật liệu bao bì*: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hoá.

- *Chi phí dụng cụ đồ dùng*: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- *Chi phí khấu hao tài sản cố định*: chi phí khấu hao tài sản cố định dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

- *Chi phí bảo hành sản phẩm*: là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định và bảo hành.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

- *Chi phí bằng tiền khác*: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể

trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

#### 1.1.2.4. Chi phí tài chính

*Chi phí hoạt động tài chính* bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

#### 1.1.2.5. Chi phí khác

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

*Chi phí khác* là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

### 1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- *Kết quả hoạt động khác*: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến

hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí nâng cấp, sửa chữa...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

## 1.2. Phân loại hoạt động và cách xác định lợi nhuận từng hoạt động trong Doanh nghiệp

### ❖ Phân loại hoạt động trong DN

Các loại hoạt động trong Doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động khác.

Hoạt động SXKD: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành SXKD chính và SXKD phụ.

Hoạt động tài chính: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của DN

### ❖ Công thức xác định lợi nhuận của DN:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} &= \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN} \\ \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} &= \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} + \text{Lợi nhuận HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác} \\ \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} &= \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng, QLDN} \\ \text{Lợi nhuận HĐTC} &= \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí tài chính} \\ \text{Lợi nhuận khác} &= \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \end{aligned}$$

### 1.3. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

#### 1.3.1 Các phương thức bán hàng

Quá trình bán hàng là quá trình thực hiện trao đổi thông qua các phương tiện thanh toán để thực hiện giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ... trong đó doanh nghiệp chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng, còn khách hàng phải trả cho doanh nghiệp khoản tiền tương ứng với giá bán của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo giá quy định hoặc thoả thuận. Thời điểm xác định doanh thu bán hàng sẽ tùy thuộc vào từng phương thức bán hàng và phương thức thanh toán tiền bán hàng. Tuy nhiên, tùy thuộc vào đặc điểm sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ mà doanh nghiệp có thể sử dụng một trong các phương thức bán hàng sau:

##### 1.3.1.1 Phương thức bán hàng trực tiếp

Gồm 2 hình thức bán buôn và bán lẻ

❖ *Bán buôn*: Là phương thức bán hàng cho các đơn vị, cá nhân mà số thành phẩm đó còn nằm trong quá trình lưu thông, chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hóa chưa thực hiện. Đặc điểm chủ yếu của phương thức bán buôn là khối lượng hàng hóa giao dịch lớn, theo từng lô hàng. Trong hình thức bán buôn có 2 hình thức bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

- Bán buôn qua kho: gồm 2 loại

+ Bán buôn qua kho (giao hàng trực tiếp): Doanh nghiệp xuất hàng từ kho cho người mua theo hợp đồng, người mua có trách nhiệm đưa hàng về đơn vị mình. Người mua ký nhận đủ hàng, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng được xác định là tiêu thụ.

+ Bán buôn theo hình thức chuyển hàng: Doanh nghiệp xuất hàng từ kho chuyển đi cho người mua theo hợp đồng. Chi phí vận chuyển do hai bên thỏa thuận. Hàng hóa chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp.

- Bán buôn vận chuyển thẳng không qua kho cũng bao gồm hai hình thức trên chỉ khác là hàng hóa sản xuất xong không nhập kho mà giao thẳng cho người bán.

❖ *Bán lẻ*: Là phương thức bán hàng cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng. Đặc điểm chủ yếu của phương thức này là khối lượng hàng hóa giao dịch mua bán nhỏ. Bán lẻ được thực hiện dưới 3 hình thức sau:

- Bán lẻ thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng chịu trách nhiệm vật chất về hàng hóa đã nhận bán, có trách nhiệm bán hàng thu tiền. Cuối ngày, cuối ca nhân viên bán hàng kiểm kê, xác định hàng tiêu thụ, lập báo cáo bán hàng và nộp tiền cho thủ quỹ.

- Bán lẻ thu tiền tập trung: Trong phương thức này, nghiệp vụ thu tiền và giao hàng cho khách hàng tách rời nhau. Mỗi quầy bố trí một nhân viên thu ngân chuyên thu tiền, viết hóa đơn, tích kê mua hàng giao cho khách để nhận hàng do nhân viên bán hàng giao. Cuối ngày, cuối ca nhân viên bán hàng kiểm kê, xác định tiêu thụ, lập báo cáo bán hàng. Nhân viên thu ngân kiểm tiền, nộp tiền cho thủ quỹ.

- Bán hàng tự phục vụ: Là phương thức bán hàng mà người mua tự lấy hàng và thanh toán tiền hàng. Quá trình mua bán diễn ra nhanh chóng nhưng đòi hỏi phải có kỹ thuật, có thiết bị tốt mới tránh thất thoát được hàng hóa.

#### 1.3.1.2. Phương thức bán hàng trả góp

Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhận định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

#### 1.3.1.3. Phương thức giao hàng đại lý

Theo phương thức này, doanh nghiệp giao hàng trên cơ sở đại lý, cơ sở nhận đại lý ký gửi để họ tiếp tục bán lẻ hoặc bán buôn.

Các hình thức đại lý:

- Đại lý hoa hồng
- Đại lý hoa tiêu
- Đại lý độc quyền
- Đại lý mua bán hàng hóa

Quyền sở hữu hàng hóa của doanh nghiệp thương mại giao cho đại lý được chấp dứt khi cơ sở đại lý ký gửi, thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc người giao hàng đại lý nhận được thông báo đã bán. Bên đại lý được hưởng hoa hồng theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Số hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi bên nhận đại lý thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng.

### **1.3.2. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, thu nhập**

#### **1.3.2.1. Công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### **❖ Chứng từ sử dụng:**

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT - 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT - 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 - BH).
- Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 - BH).
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).
- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

##### **❖ Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Các tài khoản cấp 2:



- TK5111- Doanh thu bán hàng hóa
- TK5112- Doanh thu bán các thành phẩm
- TK5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK5118- Doanh thu khác
- ❖ *Sổ sách sử dụng* (áp dụng cho hình thức kế toán NKC)
  - Sổ cái các TK 511
  - Sổ chi tiết TK511
  - Bảng tổng hợp chi tiết TK511
  - Nhật ký chung
  - .....
- ❖ *Kết cấu tài khoản*

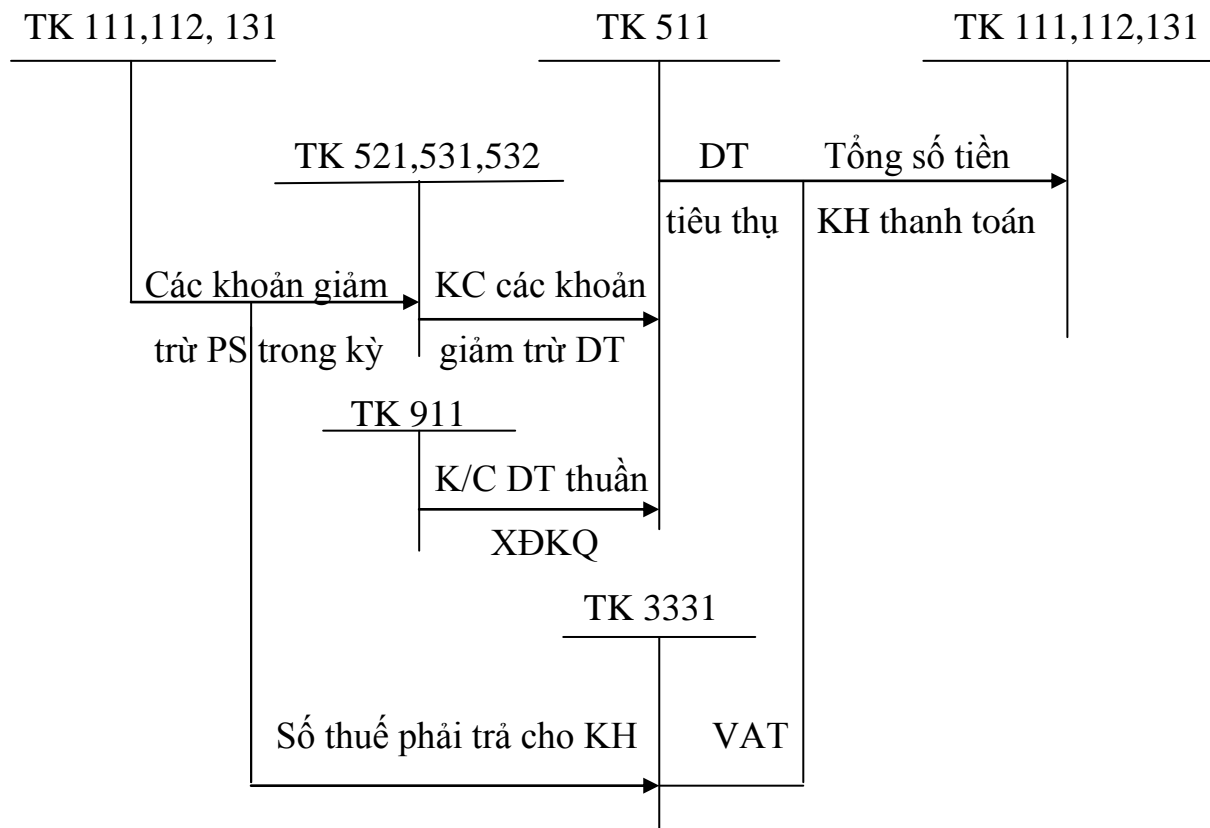
**Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng”**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ</li> <li>- Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

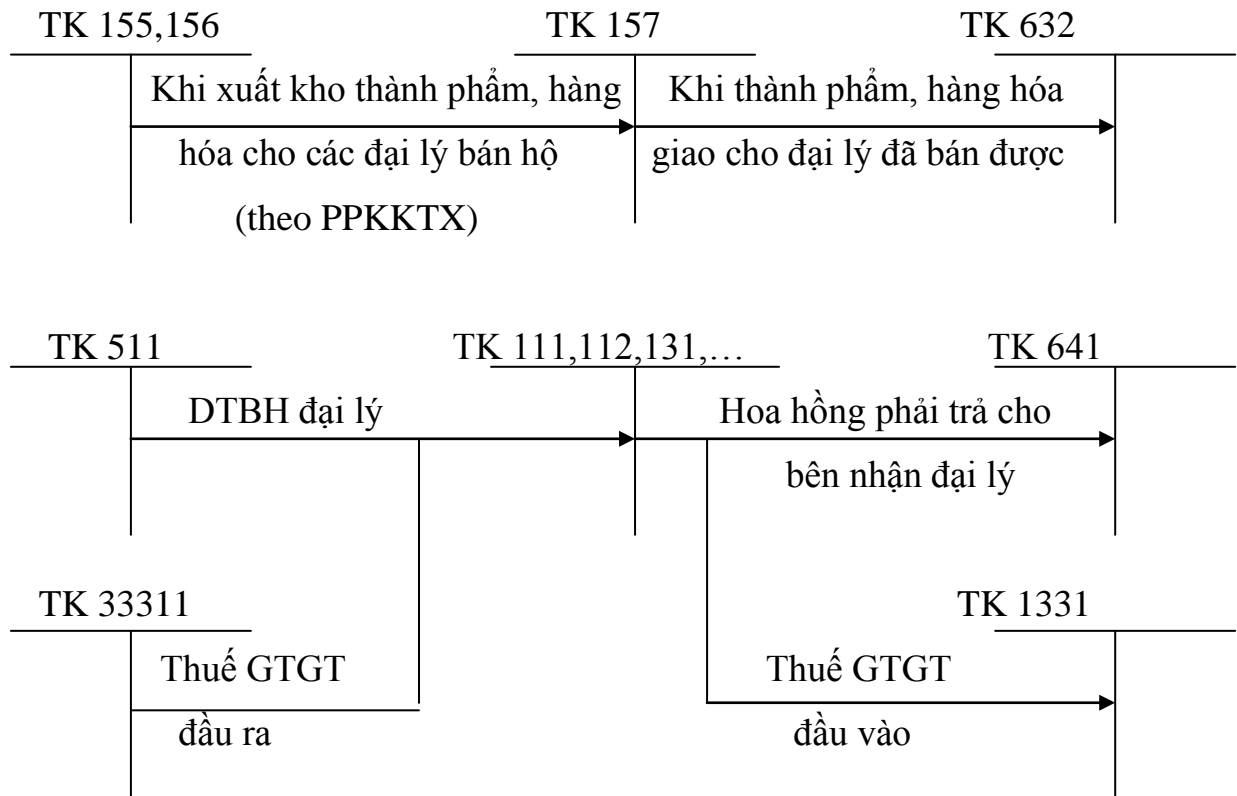
*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*



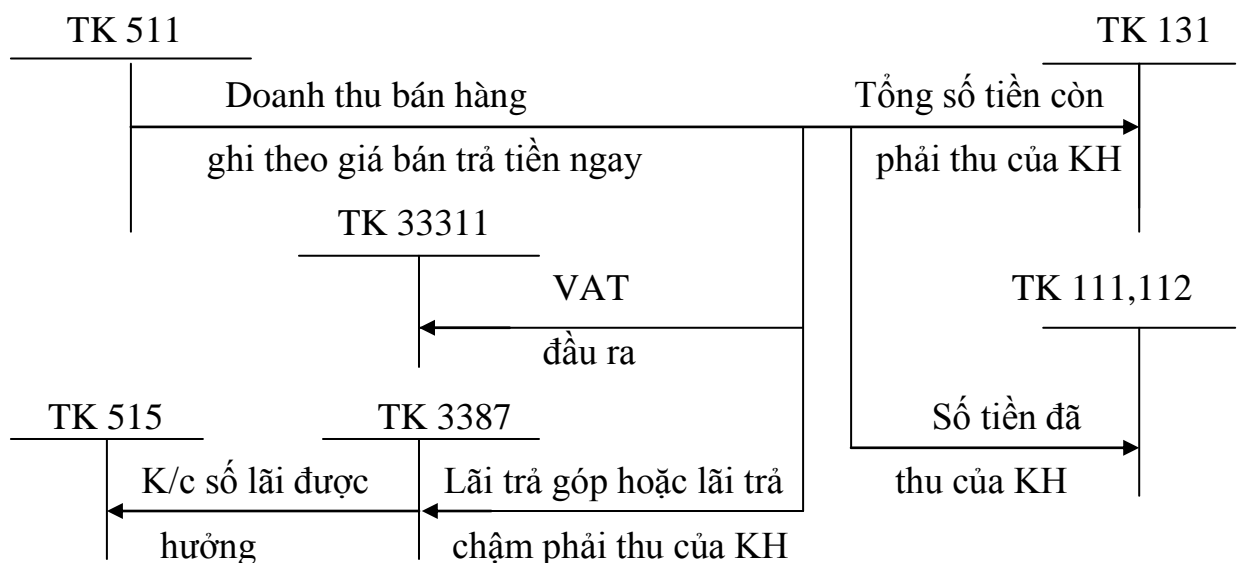
**Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp**



**Sơ đồ 1.2. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán  
đúng giá hưởng hoa hồng**



**Sơ đồ 1.3. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp,  
trả chậm**



### 1.3.2.2. Công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Và các chứng từ khác có liên quan

❖ *Tài khoản sử dụng*

+ *TK 521: Chiết khấu thương mại.* TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.
- TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.
- TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

❖ *Kết cấu tài khoản:*

*Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”*

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ.	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần
<i>Tổng phát sinh Nợ</i>	<i>Tổng phát sinh Có</i>

*Tài khoản 521 không có số dư đầu và cuối kỳ*

+ *TK 531: Hàng bán bị trả lại.*

Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán.	Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
<i>Tổng phát sinh Nợ</i>	<i>Tổng phát sinh Có</i>

*Tài khoản 531 không có số dư đầu và cuối kỳ*

+ TK 532: Giảm giá hàng bán.

- Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là sau khi đã có hoá đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hoá đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hoá đơn.

*TK 532: Giảm giá hàng bán*

Khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
<i>Tổng phát sinh Nợ</i>	<i>Tổng phát sinh Có</i>

Tài khoản 532 không có số dư đầu và cuối kỳ

+ Các khoản thuế làm giảm doanh thu

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

GTGT = Giá thanh toán của hàng hoá - Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra                      dịch vụ mua vào tương ứng

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Cách tính: Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất.

- Thuế xuất khẩu:

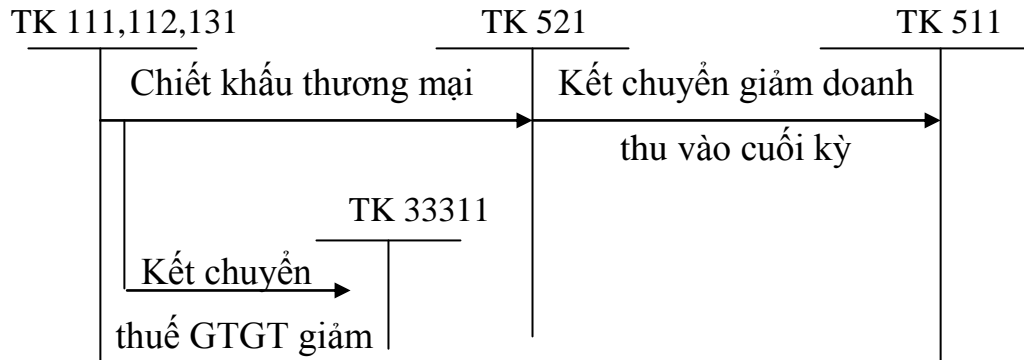
Thuế xuất khẩu = Trị giá tính thuế x Thuế suất thuế xuất khẩu

❖ Sổ sách sử dụng:

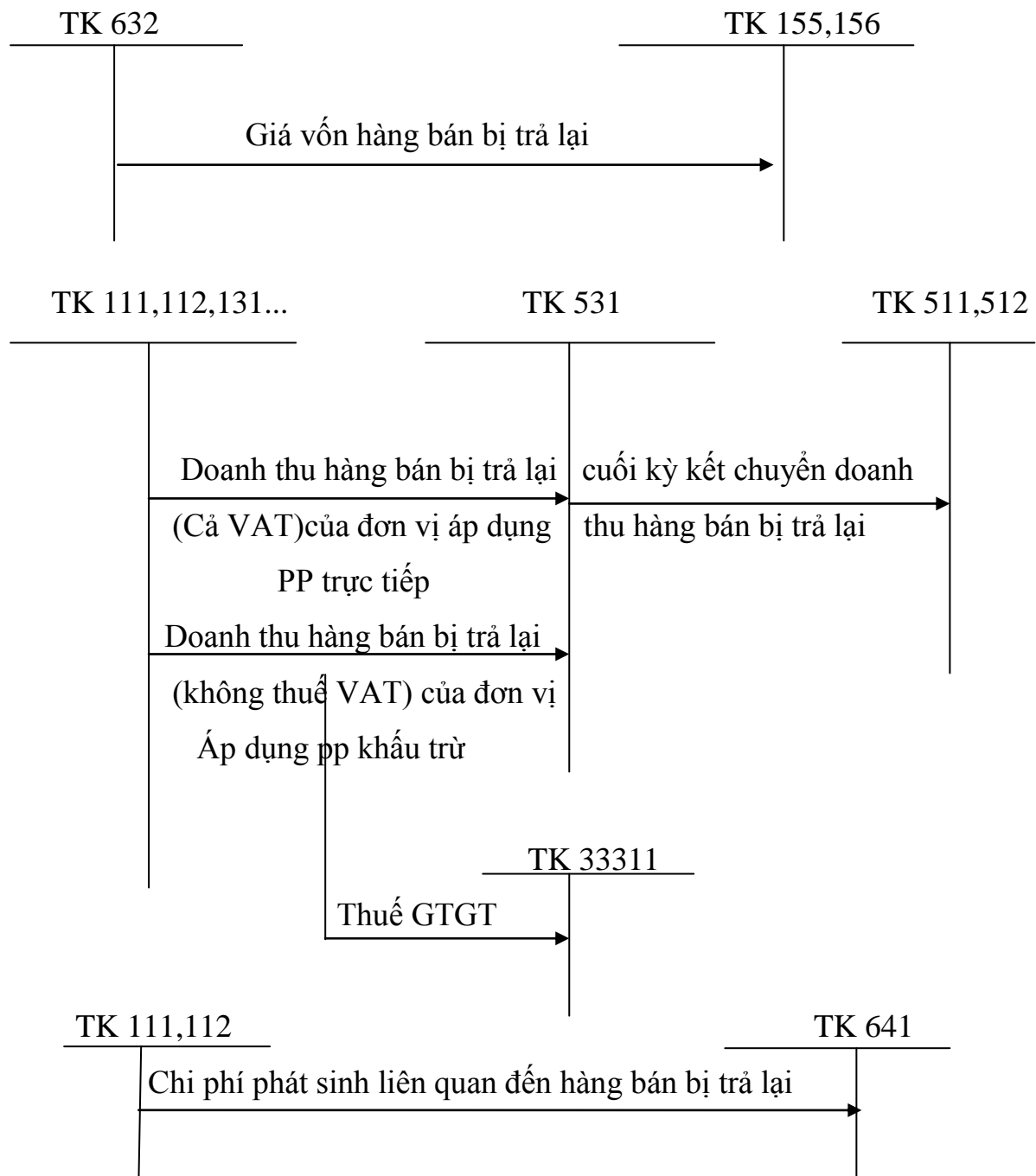
- Sổ cái TK 511, 521, 531, 532, 632

- Sổ chi tiết các tài khoản 511,333
- Bảng tổng hợp chi tiết TK

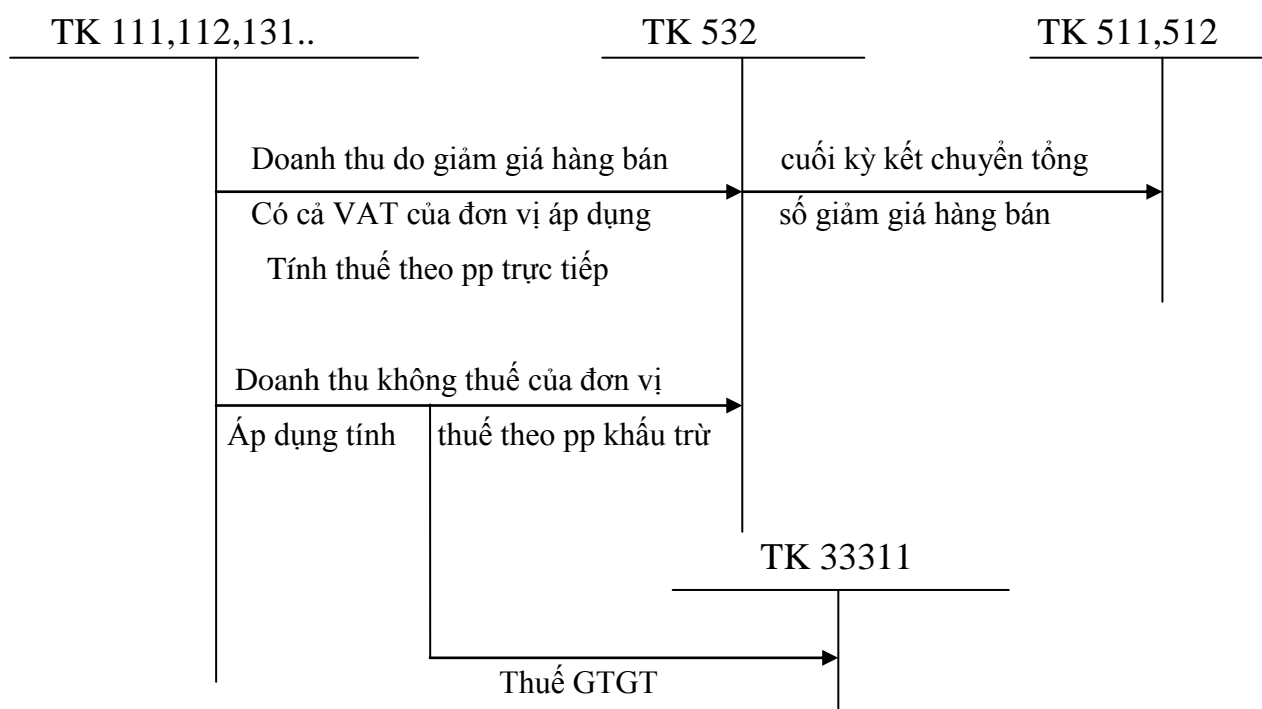
**Sơ đồ 1.4. Hạch toán các khoản chiết khấu thương mại**



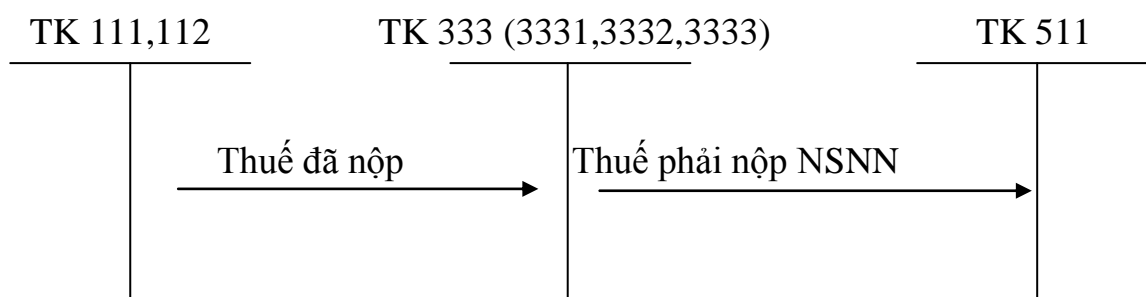
**Sơ đồ 1.5. Hạch toán hàng bán bị trả lại**



### Sơ đồ 1.6. Hạch toán kế toán giảm giá hàng bán



### Sơ đồ 1.7. Hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu



#### 1.3.2.3. Công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; lãi cho thuê tài chính;...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính tạo ra từ nội bộ

doanh nghiệp)

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập chuyên nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyên nhượng vốn

❖ *Chứng từ sử dụng:*

Phiếu thu, Phiếu kế toán, giấy báo Có

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

❖ *Kết cấu TK 515*

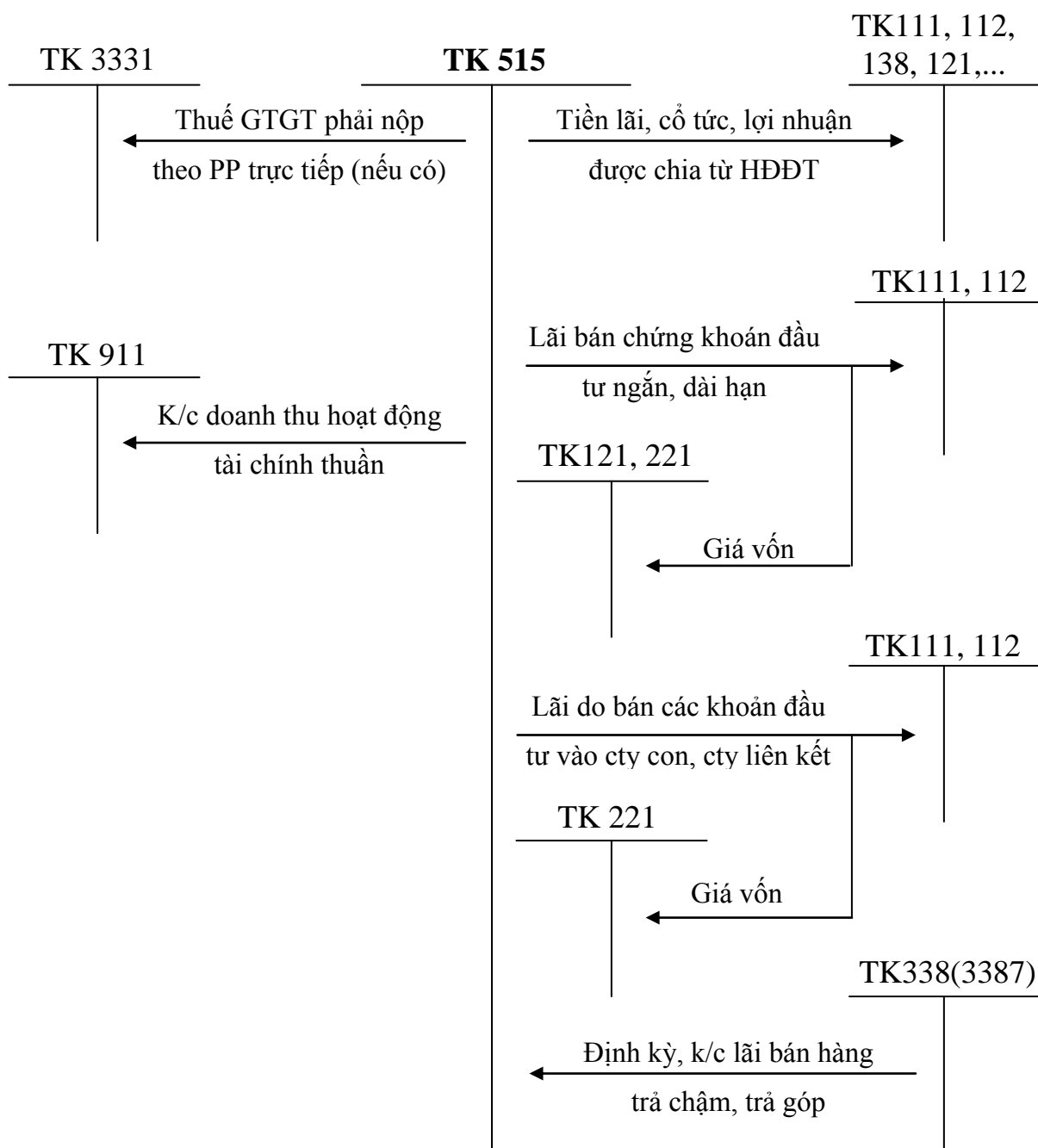
*Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”*

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh"</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi</li> <li>- Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản</li> <li>- Chênh lệch về do bán ngoại tệ</li> <li>- Thu nhập về hoạt động đầu tư CK</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ</li> </ul>
<i>Tổng phát sinh Nợ</i>	<i>Tổng phát sinh Có</i>

*Tài khoản 515 không có số dư đầu và cuối kỳ*



**Sơ đồ 1.8. Hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



#### 1.3.2.4. Kế toán thu nhập khác

- ❖ Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:
  - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
  - Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
  - Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
  - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
  - Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
  - Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
  - Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
  - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

❖ Chứng từ sử dụng

Phiếu thu, phiếu kế toán

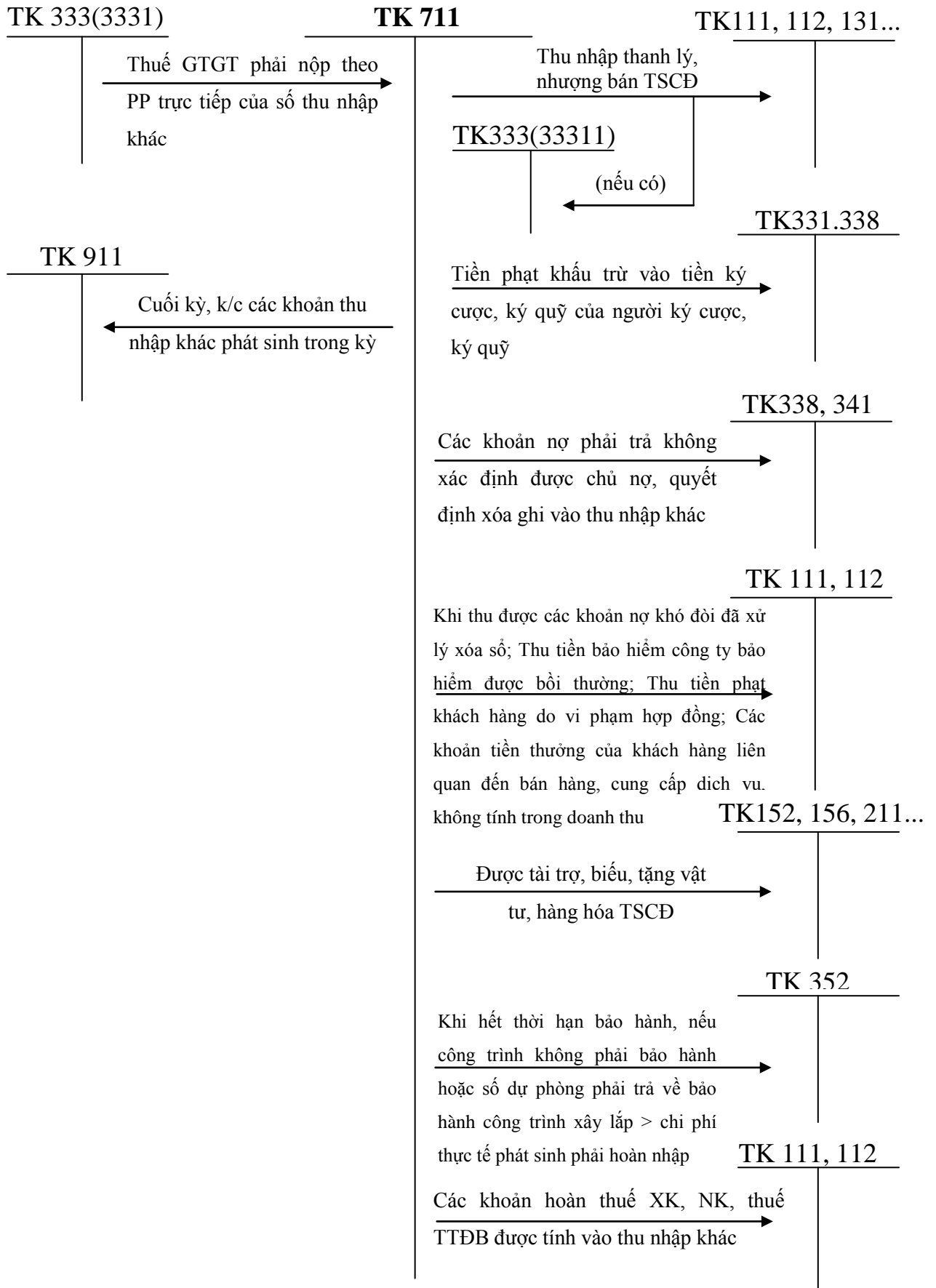
❖ Tài khoản sử dụng: TK 711 "Thu nhập khác"

*Tài khoản 711 “Thu nhập khác”*

<p>- Thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;</p> <p>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".</p>	<p>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.</p> <p>- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.</p> <p>- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.</p> <p>- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.</p> <p>- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.</p>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.9. Hạch toán kế toán thu nhập khác**



### 1.3.3. Công tác kế toán chi phí

#### 1.3.3.1. Công tác kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng xuất kho được xác định theo 1 trong 4 phương pháp: phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO), phương pháp thực tế đích danh, phương pháp bình quân gia quyền.

\* *Phương pháp bình quân gia quyền*

$$\text{Giá trị thực tế hàng xuất kho} = \text{Lượng xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:

\* *Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Giá trị hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

\* *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần 1).

\* *Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)*

Xác định tại thời điểm cuối kỳ: theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

Xác định sau mỗi lần nhập: theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập chúng ta sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

\* *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho

theo giá đó.

Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập.

Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho

❖ Tài khoản sử dụng

*Tài khoản 156: "Hàng hóa"*

*Tài khoản 632: "Giá vốn hàng bán"*

❖ Kết cấu tài khoản

*Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán"*

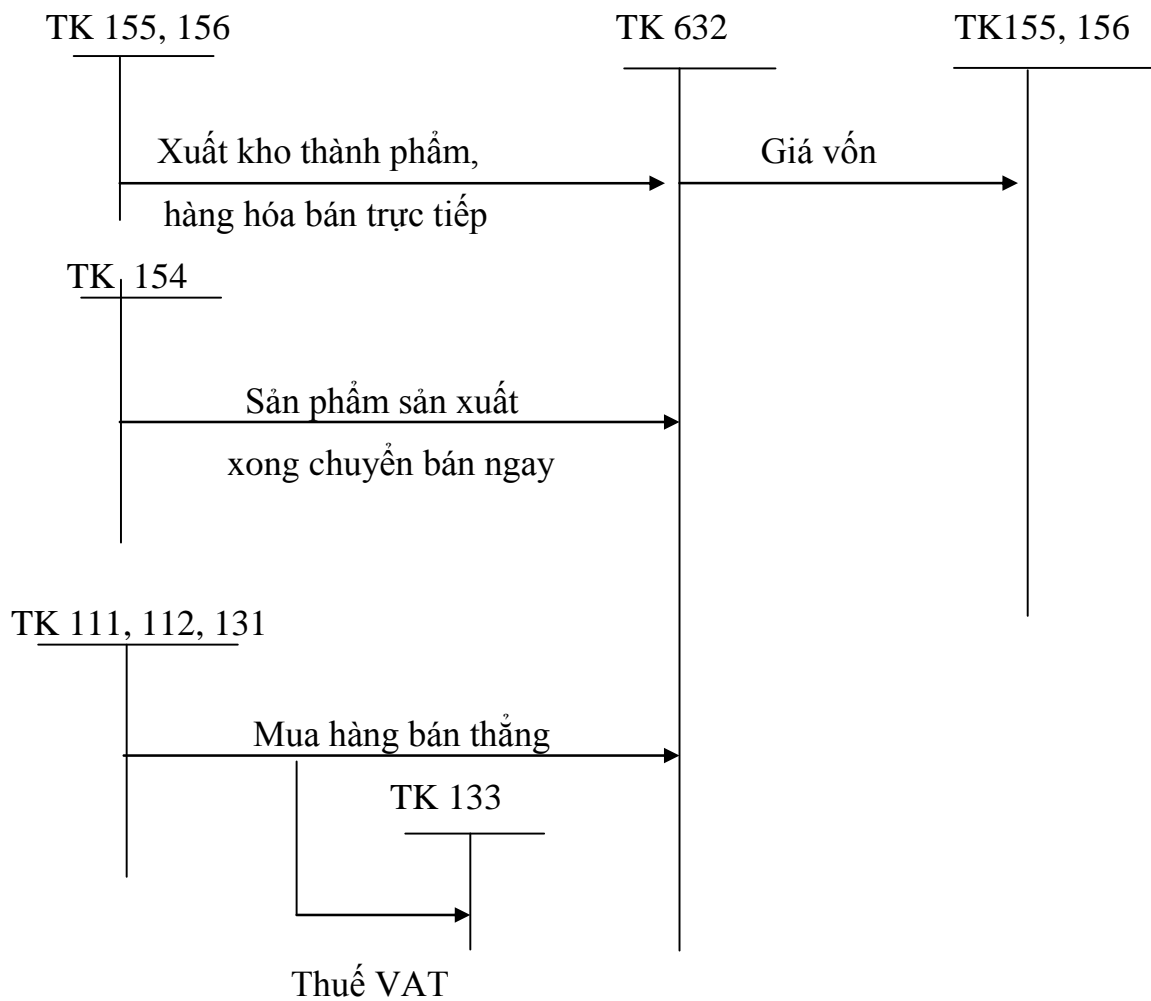
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, HH, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911</li> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

❖ Kế toán giá vốn hàng bán theo phương thức bán hàng trực tiếp

Theo phương thức này, bên mua căn cứ vào hợp đồng đã ký kết ủy nhiệm người của đơn vị mình trực tiếp đến nhận hàng tại kho đơn vị bán hoặc giao nhận hàng tay ba (hàng bán thẳng) tại địa điểm quy định trong hợp đồng. Sau khi giao hàng xong người nhận ký xác nhận về số hàng đã giao nhận, khi đó hàng mới được xác định là tiêu thụ.

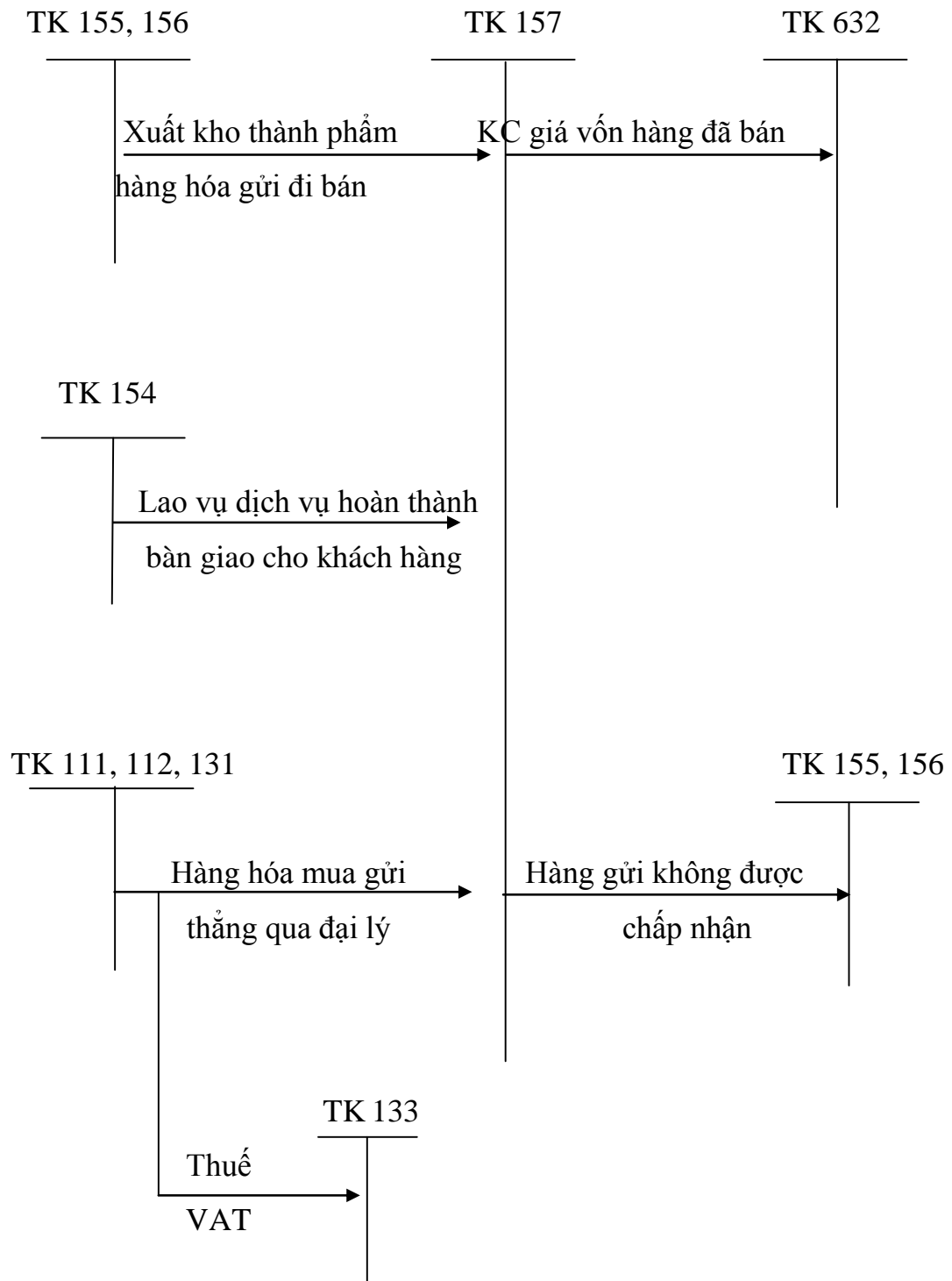
**Sơ đồ 1.10: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức giao hàng trực tiếp**



❖ *Kế toán giá vốn hàng bán theo phương thức gửi hàng*

Quy trình hạch toán bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.11.: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức gửi hàng đi bán



### 1.3.3.2. Công tác kế toán chi phí bán hàng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11- LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06- TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL - công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07- VT).
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ gốc có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán, kế toán sử dụng TK 641 - chi phí bán hàng có 7 TK cấp 2 như sau:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên.
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: Chi phí bảo hành.
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

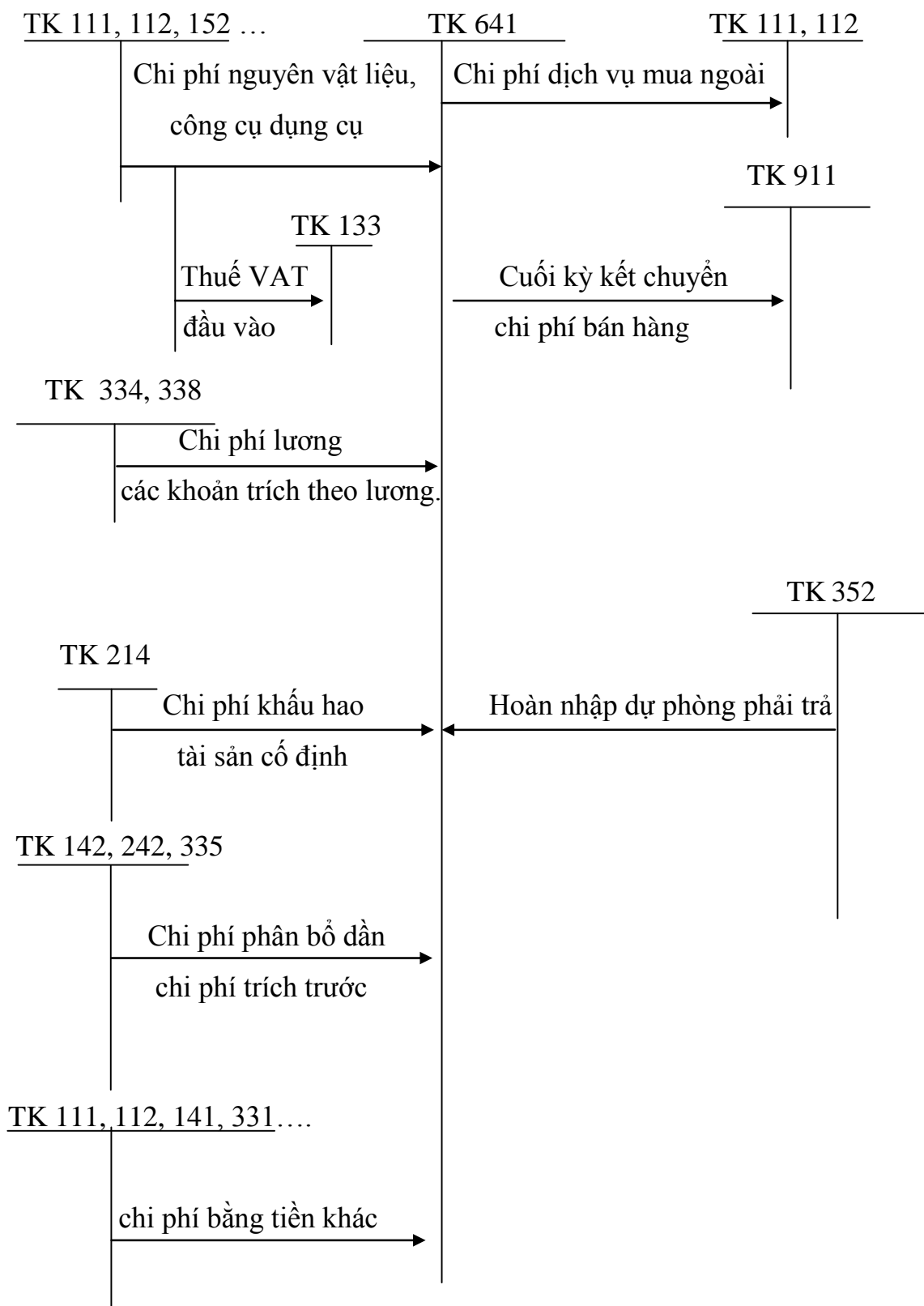
*Kết cấu Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”*

Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.	Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ; hoặc Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 142 “Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*



**Sơ đồ 1.12. Hạch toán chi phí bán hàng**



### 1.3.3.3. Công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

❖ Tài khoản kế toán sử dụng:

Để hạch toán kế toán sử dụng TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp TK 642 có 8 TK cấp 2 như sau:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng.
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

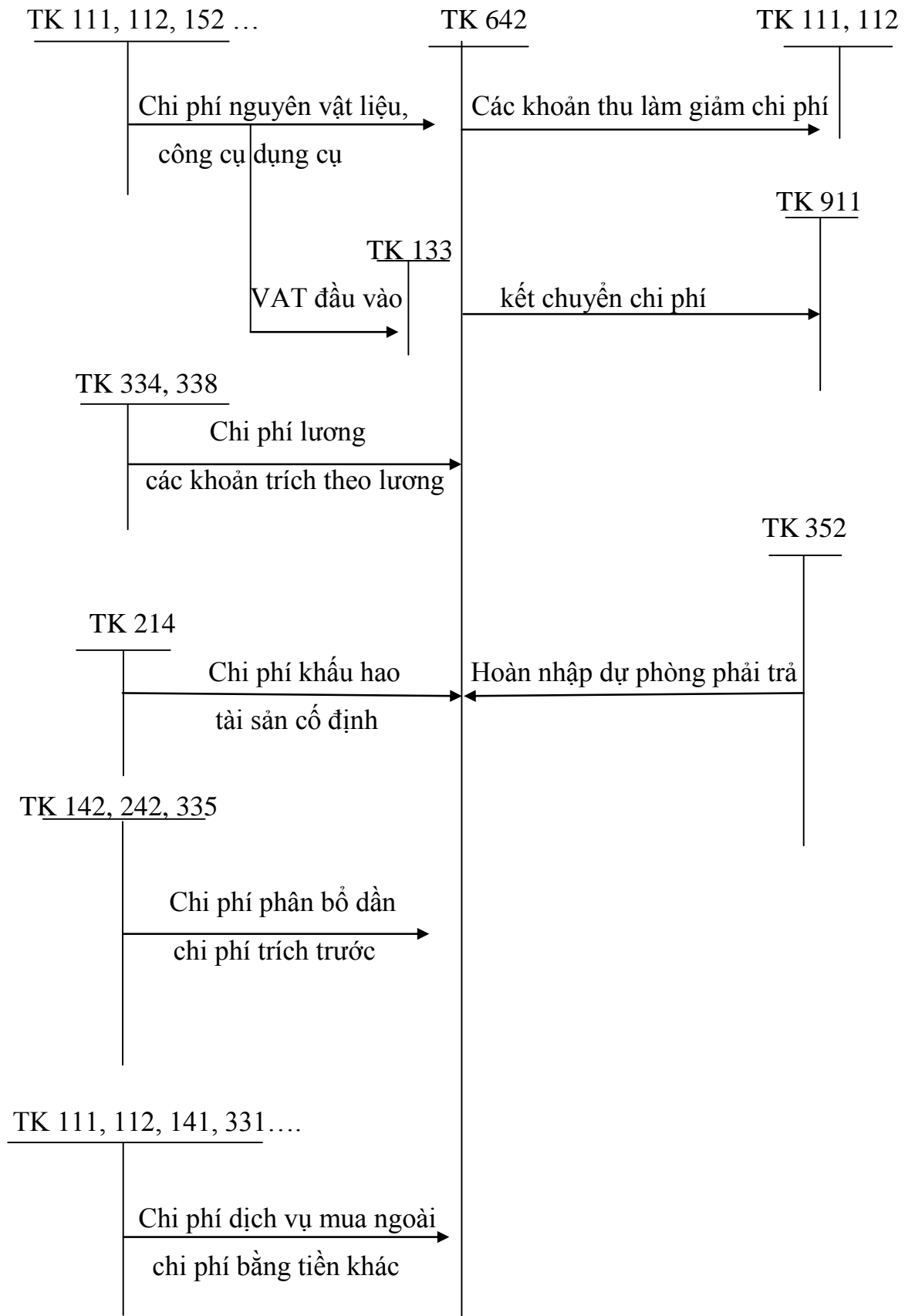
❖ Kết cấu TK 642

*TK 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp*

Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ	Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. K/c CPQLDN sang TK 911 để tính KQKD hoặc K/c CPQLDN sang TK 142 để chờ phân bổ.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.*

**Sơ đồ 1.13: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



#### 1.3.3.4. Công tác kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài Doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý cả nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp.

Các chi phí tài chính chủ yếu: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, lỗ tỷ giá hối đoái.

❖ Chứng từ sử dụng:

Phiếu chi, phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 635: "Chi phí tài chính"

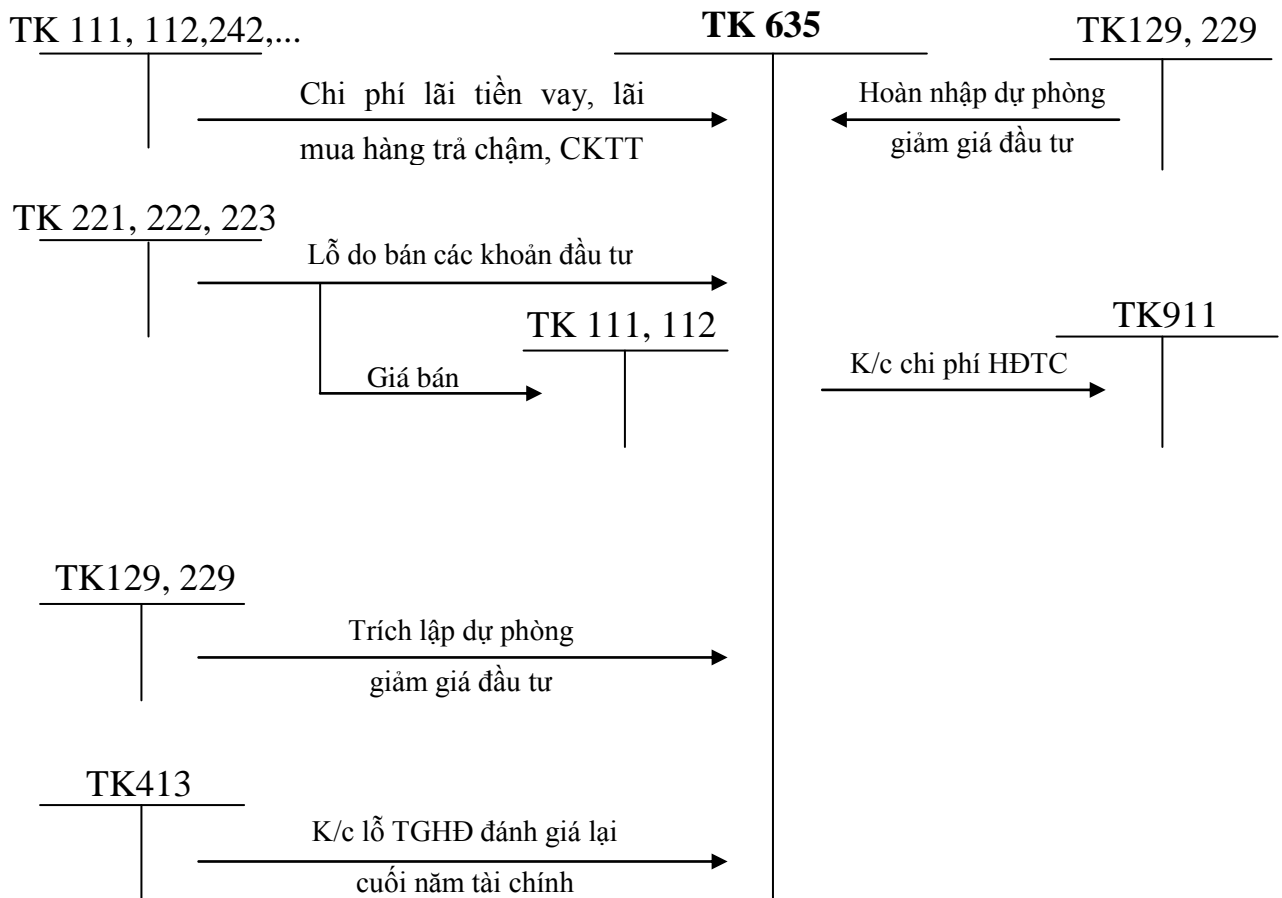
❖ Kết cấu tài khoản

#### Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.</li> <li>- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.</li> <li>- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li> <li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.14: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính**



### 1.3.3.5 Công tác kế toán chi phí khác

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;

- Các khoản chi phí khác.

❖ *Tài khoản kế toán sử dụng:* TK 811- "Chi phí khác".

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Phiếu chi

- Các chứng từ khác liên quan

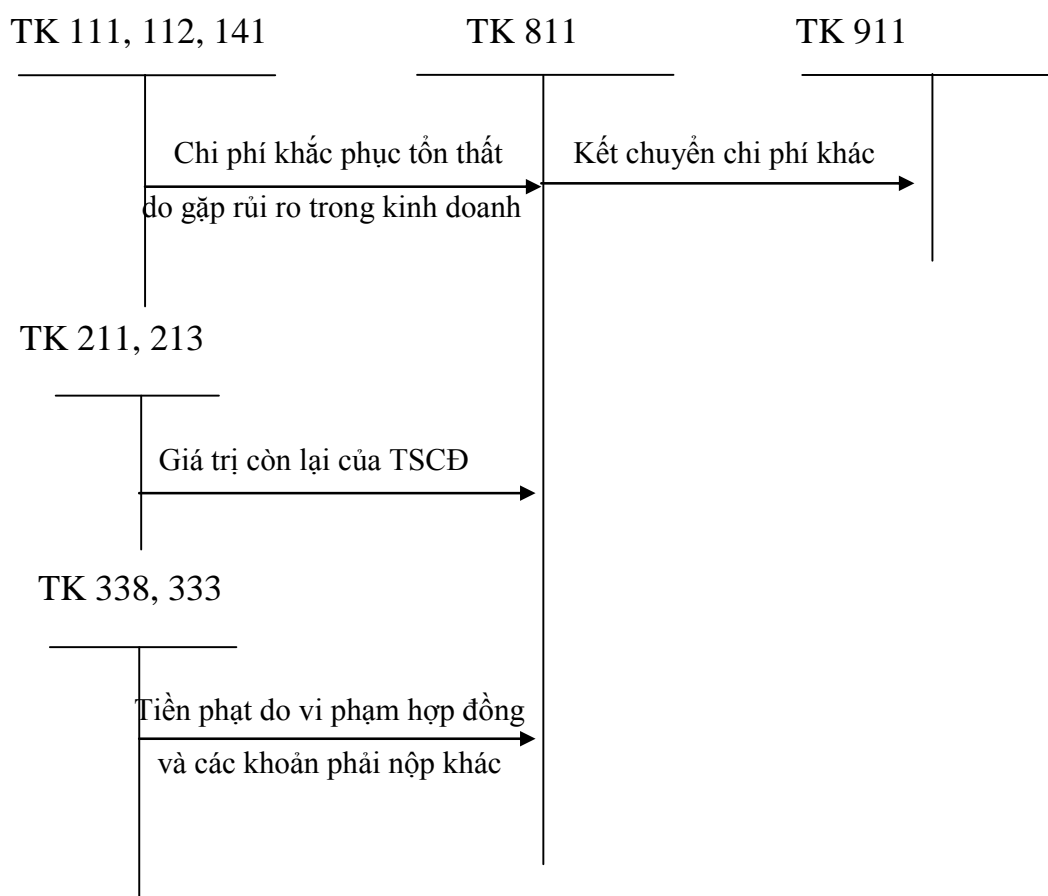
❖ *Kết cấu tài khoản*

#### Tài khoản 811 “Chi phí khác ”

- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.15: Hạch toán chi phí khác**



**1.3.4. Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh**

❖ *Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Giảm giá hàng bán	-	Hàng bán bị trả lại	-	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu (Nếu có)
-----------------	---	--	---	-----------------------	---	-------------------	---	---------------------	---	---

Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán thuần

Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ = Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ - Chi phí hoạt động bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ *Kết quả từ thu nhập hoạt động tài chính:*

Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính = Thu nhập tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

❖ *Kết quả từ thu nhập hoạt động khác*

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác = Thu nhập từ hoạt động khác - Chi phí cho hoạt động khác

❖ *Tài khoản sử dụng: TK 911- Xác định kết quả kinh doanh*

❖ *Nguyên tắc hạch toán TK 911*

+ TK này phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kì hạch toán theo đúng quy định của cơ chế quản lý tài chính.

+ Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động.

+ Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại, từng khâu, lao vụ, dịch vụ.

+ Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào TK này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.



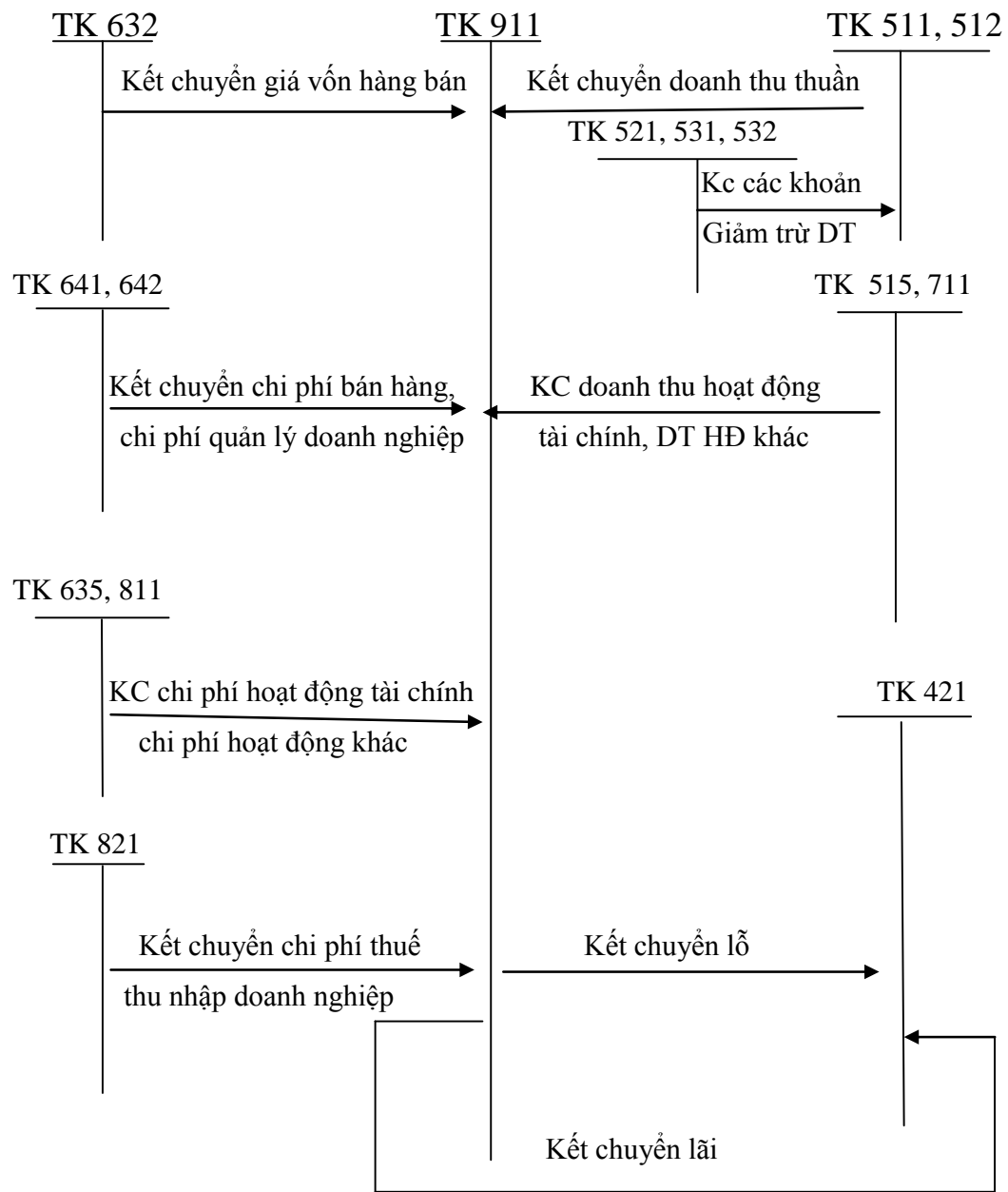
❖ Kết cấu tài khoản

*Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”*

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính</li> <li>- Chi phí khác</li> <li>- Chi phí quản lý kinh doanh</li> <li>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</li> <li>- Kết chuyển lãi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính</li> <li>- Thu nhập khác</li> <li>- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.</li> <li>- Kết chuyển lỗ</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.16: Hạch toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh**



#### 1.4. Hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp

##### *Hình thức kế toán Nhật ký chung*

##### ❖ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ

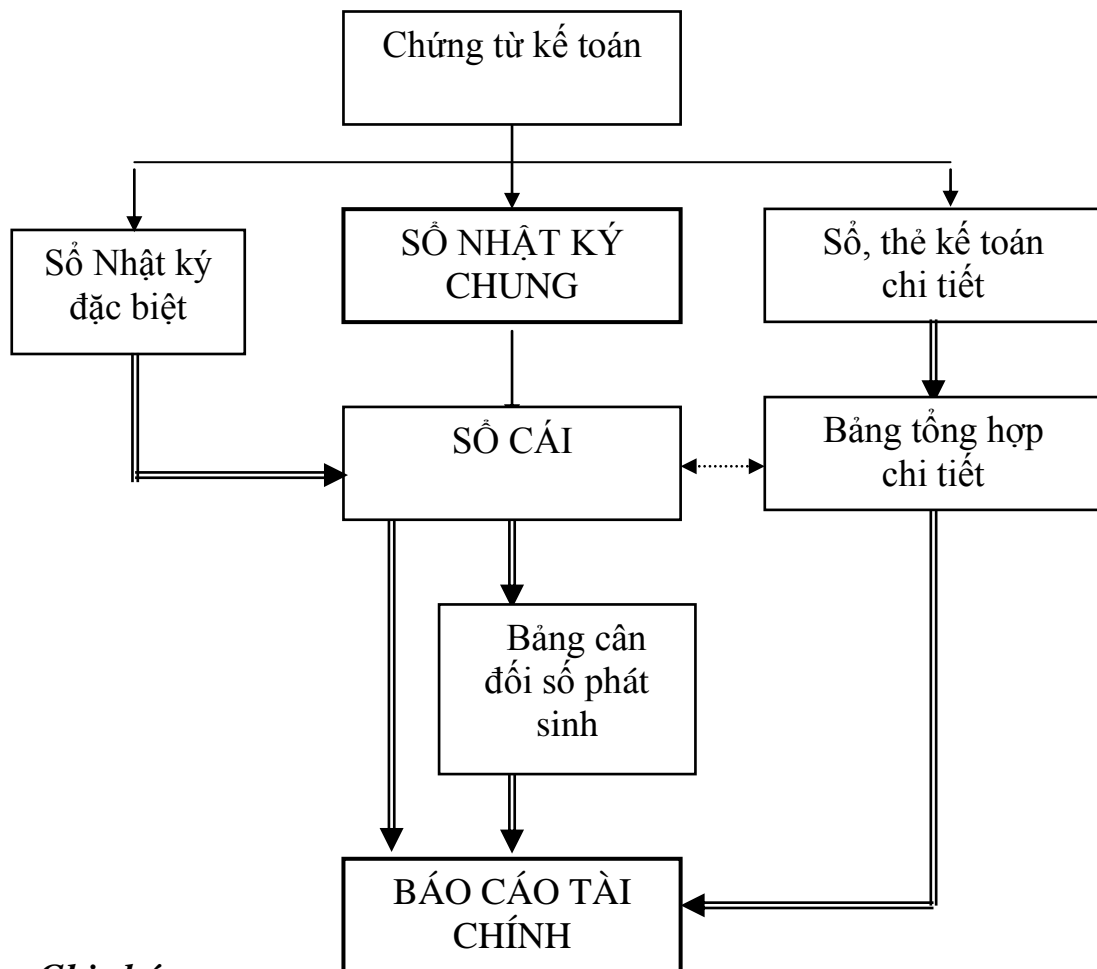
phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau

**Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

## CHƯƠNG II

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG

### 2.1. Một số nét khái quát về công ty cổ phần Kim Long

#### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Kim Long

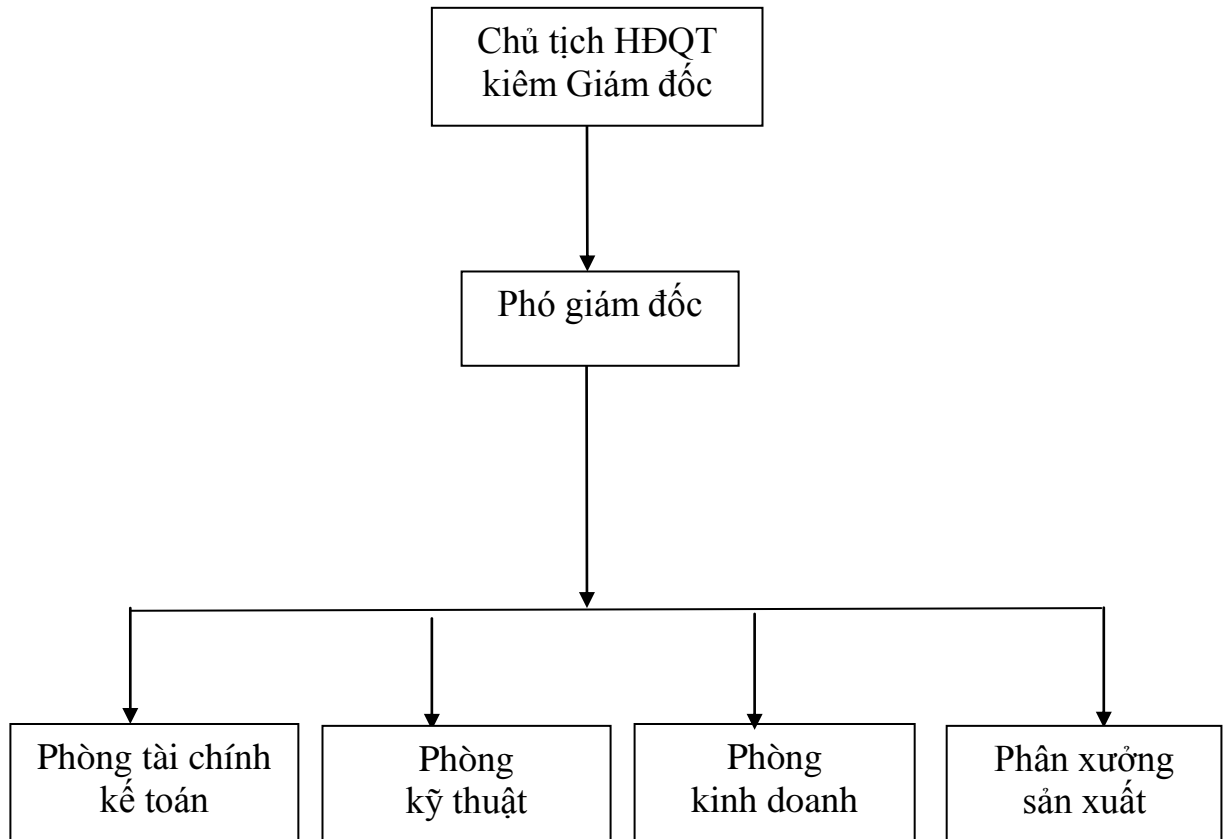
Tiền thân của công ty là một xưởng sản xuất nhỏ với đội ngũ lao động tay nghề chưa cao, chủ yếu sử dụng lao động thủ công là chính nhưng tới năm 2004, quyết định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Kim Long. Với mô hình hoạt động linh hoạt và khoa học từ đó tới nay Công ty đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể.

#### **Thông tin về công ty:**

1. Công ty cổ phần Kim Long được cấp giấy phép thành lập ngày 06 tháng 12 năm 2004
2. Tên giao dịch: Công ty cổ phần Kim Long
3. Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông
4. Tỉnh/thành phố: Hải Phòng
5. ĐT: 031.3570582\* Fax: 031.391322  
ĐD: 0913.329.834
6. MST: 0200622223
7. Công ty đăng ký kinh doanh các loại hình sau:
  - Các mặt hàng về giày dép (dép Rova, giày da, giày thể thao, giày cao cấp, giày đinh, giày bảo hộ...)
8. vốn điều lệ của công ty: 3.000.000.000 VNĐ

**2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần Kim Long**

**Sơ đồ 2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần Kim Long**



Chức năng nhiệm vụ các bộ phận:

**\*Ban giám đốc:**

- Chủ tịch HĐQT (kiêm Giám đốc): là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước, và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động SXKD của toàn Công ty. Điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch đề ra. Chấp hành nghị quyết lãnh đạo của Đảng ủy - nghị quyết của đại hội công nhân viên chức, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và CNVC về quản lý toàn bộ tài sản, Lao động vật tư tiền vốn, bảo đảm an ninh trật tự an toàn lao động cho toàn công ty, làm tốt công tác đối nội, đối ngoại , không ngừng chăm lo đến đời sống của người lao động. Đề nghị tăng giảm đội ngũ công nhân cho phù hợp với công việc của Công ty thực hiện hạch toán kinh tế, áp dụng chế độ kế toán thống kê theo đúng pháp lệnh thống kê của nhà nước và điều lệ công tác tài chính đơn vị.

- Phó giám đốc: giúp giám đốc theo những công việc chuyên trách được phân công, tham mưu cho giám đốc về hoạt động SXKD và những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình. Chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng kế hoạch. Thay quyền giám đốc đi vắng khi có uỷ quyền.

*\*Các phòng chức năng:*

*Phòng kinh doanh:* có chức năng tham mưu và giúp cho ban giám đốc tổ chức hoạt động kinh doanh chung của công ty. Là phòng trực tiếp đối ngoại tiếp xúc khách hàng, thăm dò thị trường, liên lạc...

*Phòng kế toán tài chính:* Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại công ty, xác định tài sản, vật tư, tiền vốn và kết quả kinh doanh. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của Công ty và các quỹ để lại.

*Phân xưởng sản xuất:*

gồm 5 phân xưởng chính

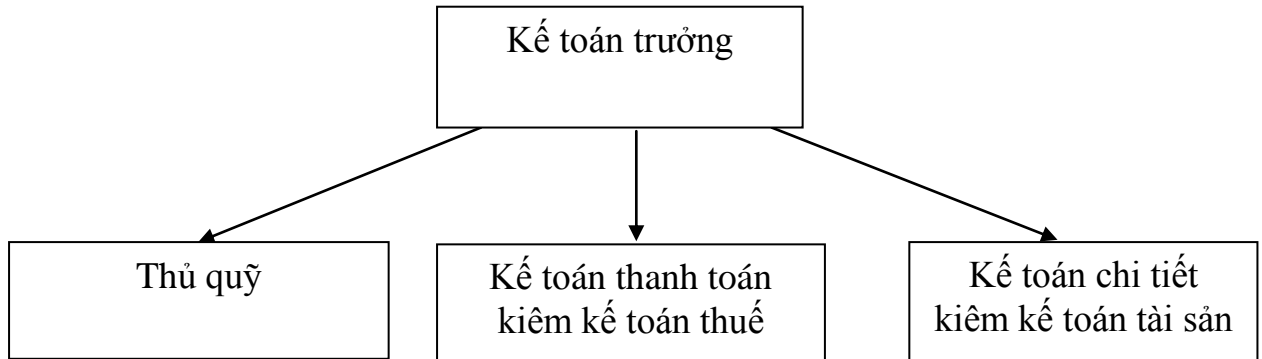
- Phân xưởng chặt
- Phân xưởng in
- Phân xưởng may
- Phân xưởng đế
- Phân xưởng gò

*Phòng kỹ thuật:* có chức năng hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ mới, nâng cấp hoặc thay thế máy móc, tham gia giám sát hoạt động sản xuất...

### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần Kim Long

#### 2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần Kim Long

#### Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty cổ phần Kim Long



Trong đó

*Kế toán trưởng:*

- Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân hàng, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

*Kế toán thanh toán kiêm kế toán thuế:*

- Theo dõi công nợ các khoản trích nộp theo quy định, theo dõi tình hình thu chi, tăng giảm nguồn vốn trong công ty, theo dõi tổng quỹ lương, theo dõi các khoản thuế liên quan (thuế GTGT, TNDN..)

*Kế toán chi tiết kiêm kế toán tài sản:*

- Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản, lập bảng tính khấu hao tài sản theo tháng, quý

- Theo dõi tình hình nhập xuất tồn vật liệu, ccđc, thành phẩm. Ngoài ra còn tham gia với phòng vật tư về định mức vật tư dự trữ và kịp thời điều chỉnh quá trình nhập xuất tồn vật tư, góp phần đảm bảo dự trữ vật tư ở mức độ hợp lý

*Thủ quỹ:*

- Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt.
- Quản lý, bảo quản tiền mặt.
- Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

*Chế độ kế toán áp dụng.*

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

Hệ thống sổ chi tiết và sổ tổng hợp, báo cáo được thực hiện ghi chép theo đúng quy định, phù hợp với quy mô hoạt động của công ty.

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, công ty nộp các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật

#### *2.1.3.2. Hình thức kế toán*

Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

*Trình tự ghi sổ như sau:*

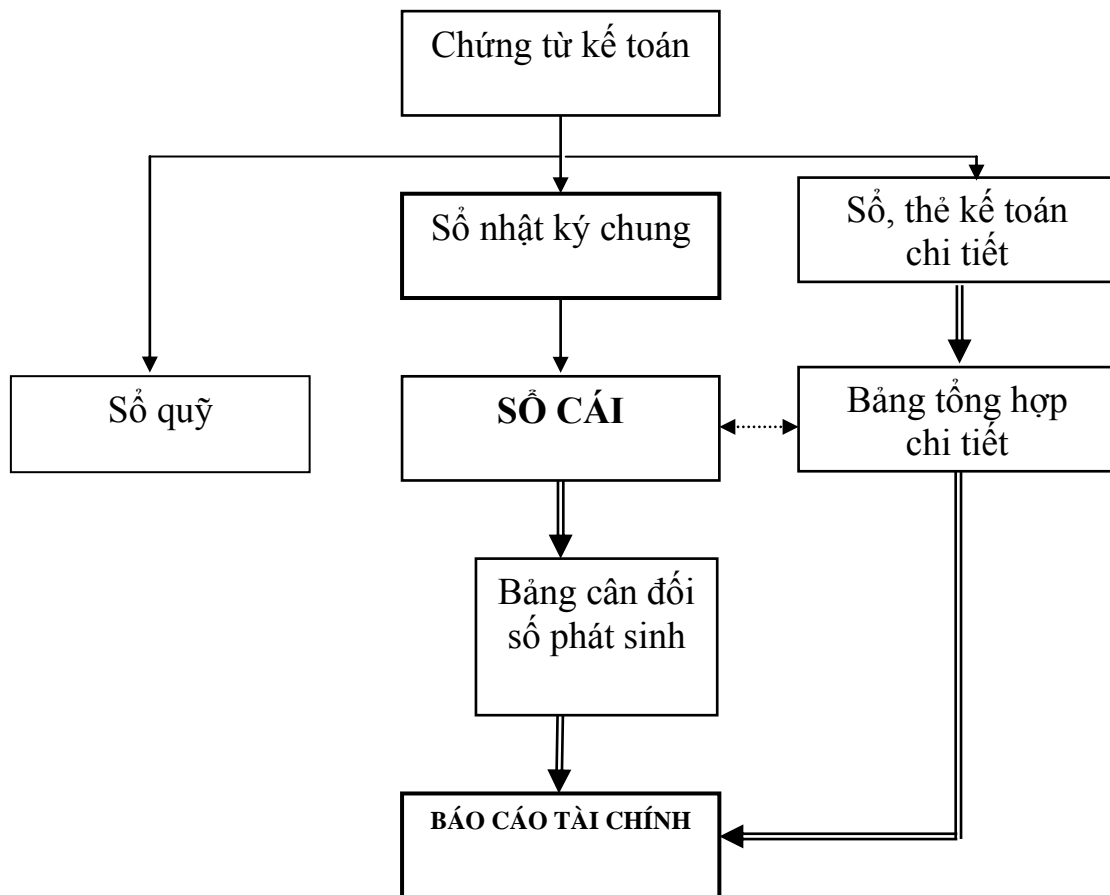
1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ NKC, sổ



thẻ kế toán chi tiết.

2. Từ 3 đến 5 ngày từ NKC, sổ kế toán chi tiết vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Đối chiếu, kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo.
5. Lập báo cáo tài chính:
  - Bảng cân đối kế toán
  - Bảng báo cáo kết quả kinh doanh
  - Thuyết minh báo cáo tài chính
  - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

**Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung tại công**



**Ghi chú:**

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ : Đối chiếu

### 2.1.3.3. Một số đặc điểm trong công tác kế toán khác

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên, hàng tồn kho được ghi sổ theo giá gốc. Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo quyết định số QĐ 206/2003- BTC.

- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ .

Hàng quý kế toán lập báo cáo theo quý, hàng năm lập báo cáo tổng hợp và quyết toán thuế

## 2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Long

### 2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Long

❖ *Phương thức bán hàng công ty áp dụng:*

- Công ty chủ yếu bán hàng theo đơn đặt hàng: Dựa vào số lượng trong đơn đặt hàng công ty giao hàng trực tiếp đến địa điểm ghi trên hợp đồng cho khách hàng. Khi được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- Ngoài ra công ty cũng bán hàng trực tiếp cho các cửa hàng giày dép trên địa phận thành phố Hải Phòng.

❖ *Hình thức thanh toán*

- Chuyển khoản: đây là hình thức thanh toán được áp dụng thường xuyên đối với khách hàng mua với số lượng lớn, hầu hết là theo đơn đặt hàng, để đảm bảo tính an toàn.

- Tiền mặt: áp dụng đối với khách hàng mua với số lượng ít, không thường xuyên, đa phần là các cửa hàng quy mô nhỏ.

- Thanh toán chậm: cung cấp hàng nhưng chưa thu được tiền ngay: áp dụng với khách hàng có uy tín, mua với số lượng lớn, thường xuyên.

- *Chứng từ sổ sách và tài khoản sử dụng*

- ❖ Tài khoản sử dụng:

TK 511: "*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*"

TK 333(3331): "*Thuế GTGT phải nộp*"

TK 911: "*Xác định kết quả kinh doanh*"

Các TK liên quan khác: TK 111, 112, 131...

- ❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT - 3LL)

- +Liên 1: *màu tím được lưu lại quyền hoá đơn*

- +Liên 2: *màu đỏ giao cho khách hàng*

- +Liên 3: *màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán*

- Phiếu xuất kho; Lệnh xuất kho

- Bảng kê hóa đơn thực xuất; Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ

- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu thu, Phiếu kế toán, Giấy báo có...

- ❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ cái TK 511

- Sổ chi tiết bán hàng

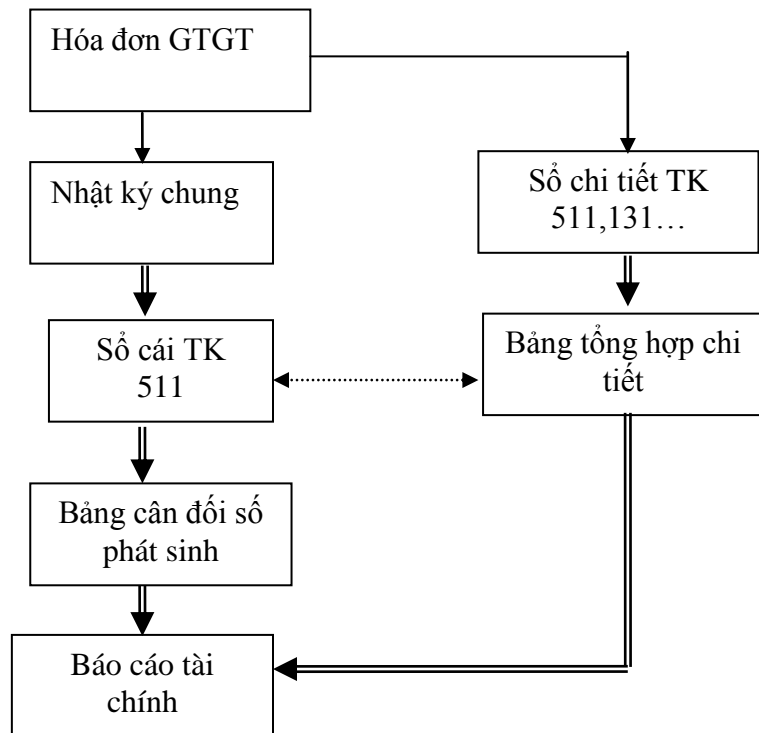
- Bảng tổng hợp chi tiết

- *Trình tự hạch toán*

Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng (Hóa đơn GTGT)

Thủ quỹ sau khi thu tiền chuyển chứng từ cho kế toán, kế toán sau khi kiểm tra lại các thông tin thì nhập dữ liệu vào máy tính, in ra phiếu thu.

### Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu



#### Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←.....→ Kiểm tra đối chiếu

**Ví dụ:** Ngày 10/12/2010 Xuất kho 150 đôi ROVA bán cho công ty TNHH Hoàng Anh. Đơn giá 80.000đ/đôi Chưa bao gồm VAT 10%. Đã thanh toán bằng tiền mặt.

**Biểu số 2.1**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT -3LL															
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>KX/2010B</b>															
Liên 3: Nội bộ		<b>0083555</b>															
Ngày 10 tháng 12 năm 2010																	
Đơn vị bán hàng: Cty CP Kim Long .....																	
Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đồng – An Dương - HP																	
Số tài khoản: .....																	
Điện thoại: .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>2</td><td>2</td><td>2</td><td>2</td><td>3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>				0	2	0	0	6	2	2	2	2	3				
0	2	0	0	6	2	2	2	2	3								
Họ tên người mua hàng: Trần Thu Hương																	
Tên đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Anh .....																	
Địa chỉ: Số 2A- Hồng Thắng – Hạ Long- Quảng Ninh.....																	
Số tài khoản: .....																	
Hình thức thanh toán: tiền mặt .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>8</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>3</td><td>9</td><td>6</td><td>2</td><td>8</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>				0	8	0	0	2	3	9	6	2	8				
0	8	0	0	2	3	9	6	2	8								
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x2												
1	Dép ROVA	đôi	150	80.000	12.000.000												
Cộng tiền hàng:					12.000.000												
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		1.200.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>13.200.000</b>												
Số tiền viết bằng chữ: <i>mười ba triệu hai trăm nghìn đồng</i>																	
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>													



**Biểu số 2.2**

<b>Đơn vị: CTY CP Kim Long</b>	<b>Mẫu số 02 – TT</b>		
Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông – An Dương - Hp	Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC		
<b>PHIẾU THU</b>			
Ngày 10 tháng 12 năm 2010	Số CT 15/12		
	TK ghi nợ 1111 TK ghi có: 3331 TK ghi có: 5111		
Họ tên người nộp tiền: Trần Thu Hương			
Địa chỉ : : Công ty TNHH Hoàng Anh			
Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng			
Số tiền: 13.200.000			
Bằng chữ: : <i>mười ba triệu hai trăm nghìn đồng</i>			
Kèm theo.....01 HĐ <b>0083555</b> .....chứng từ gốc			
Ngày 10 tháng 12 năm 2010			
<b>Kế toán trưởng</b> (ký, họ tên)	<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (ký, họ tên)	<b>Người nhận tiền</b> (ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (ký, họ tên)

**Biểu số 2.3**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông – An Dương -HP

**NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2010**

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
07/12/10	GBC 103	07/12/10	Rút TGNH về nhập quỹ	111	112	25.000.000
.....	.....	...	.....	....	....	.....
09/12/10	PT 07/12	15/12/10	CTY CP Nam Bình Phát trả tiền hàng	111	131	35.000.000
<b>10/12/10</b>	<b>HD 83555</b>	<b>10/12/10</b>	<b>bán hàng cho công ty TNHH Hoàng Anh</b>	<b>111</b>	<b>511</b>	<b>12.,000.000</b>
10/12/10	Px 1120	10/12/10	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Hoàng Anh	632	155	8.700,000
10/12/10	PT 15/12	10/12/10	Thuế GTGT đầu ra	111	333	1.200.000
10/12/10	S213810	14/12/10	Hoàng.T.Ngọc Hà rút tiền từ TK	111	112	150.000.000
12/12/10	HD 83591	16/12/10	Mua NVL của CTY TNHH Nam Long	152	331	7.220.000
14/12/10	HD 83591	16/12/10	ThuếGTGT được khấu trừ công ty Nam Long	133	331	722.000
15/12/10	PXK 8864	18/12/10	Xuất kho để giày thể thao phục vụ sản xuất	621	152	3.610.000
19/12/10	GBN 78	29/12/10	CTY CP Nam Bình Phát trả tiền hàng	112	131	150.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>31/12/10</b>	<b>PKT 122</b>	<b>31/12/10</b>	<b>Kc doanh thu bán hàng quý IV</b>	<b>511</b>	<b>911</b>	<b>1.845.001.596</b>
			<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>			<b>5.082.000.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.4**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đồng – An Dương -HP

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

**TK: 511**

**Tên sản phẩm: dép ROVA**

**Quý 4 năm 2010**

*Đơn vị: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (đôi)	Đơn giá	Thành tiền	
.....	.....	.....	.....	....	...	.....	
0083555	10/12/2010	Bán cho công ty TNHH Hoàng ANh	111	150	80.000	12.000.000	
0083588	21/12/2010	Bán cho cửa hàng Nam Phương	111	100	80.000	8.000.000	
0083668	23/12/2010	Bán cho Công ty TNHH Công Thành	131	300	80.000	24.000.000	
		...	.....	...	...	...	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		3000		<b>240.000.000</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Biểu số 2.5**

**Đơn vị: Công ty cổ phần Kim Long**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Quý IV 2010

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
			Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền	Thuế	521,531
1	Dép ROVA	đôi	3.000	80,000	240.000.000		
2	Giày thể thao	đôi	4.000	65,000	260.000.000		
3	Giày da cao cấp	đôi	2.000	280,000	560.000.000		
	....	....	....	...	....		
	<b>Cộng</b>				<b>1.845.001.596</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.6**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông – An Dương -HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK : 511

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2010

( Trích số liệu quý IV năm 2010)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
10/12/2010	PT08/12	10/12/2010	Bán lô dép ROVA cho công ty TNHH Hoàng Anh	111		12,000,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/12/2010	PKT 208	28/12/2010	Bán lô Giày cao cấp cho công ty Việt Đức	131		168.000.000
29/12/2010	PKT 215	29/12/2010	Bán lô giày đinh cho cửa hàng Nam Anh	131		7.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2010	PKT	31/12/2010	K/C doanh thu tháng quý IV	911	1.845.001.596	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		1.845.001.596	1.845.001.596
			<b>Số dư cuối năm</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Kim Long

Quy định về ghi nhận giá vốn:

- Tài khoản 632 dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm bán trong kỳ.
- Việc ghi nhận giá vốn phải tuân theo nguyên tắc phù hợp: khi phát sinh một khoản doanh thu bán thành phẩm thì mới ghi nhận một khoản giá vốn tương ứng của thành phẩm đó.

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

❖ *Chứng từ kế toán sử dụng*

- Phiếu xuất kho,
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ *Tài khoản kế toán sử dụng*

- TK 632- Giá vốn hàng bán.
- TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

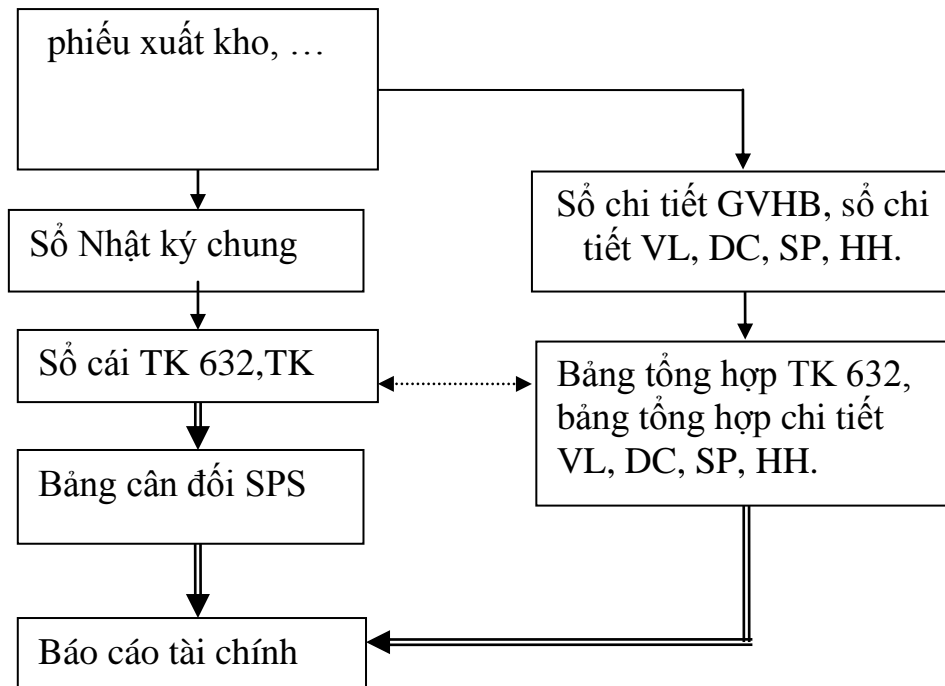
❖ *Sổ sách kế toán sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ chi tiết giá vốn.
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.
- Sổ cái TK 632, TK 154.

❖ Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: công ty áp dụng phương pháp thực tế đích danh.

❖ *Trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán*

### Sơ đồ 2.5 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối năm :  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu  $\longleftrightarrow$

**Ví dụ:** xuất bán 200 thành phẩm giày da nam 03 cho công ty HUY ANH, giá vốn 22.000.000đ, giá bán chưa VTA 10% là 30.000.000, khách hàng chưa thanh toán

**Biểu số 2.7**

Đơn vị:..... **PHIẾU XUẤT KHO** QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
 Địa chỉ:..... Ngày 12 tháng 12 năm 2010 ngày 20 tháng 3 năm 2006  
 Nợ: 632 Số 1213 của Bộ trưởng Bộ tài chính  
 Có: 155  
 - Họ tên người giao hàng:  
 - Lý do xuất :Xuất bán cho công ty Huy Anh  
 -Xuất tại kho :số 1

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư ( sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Giày da nam 03		Đôi	200	200	110,000	22.000.000
	<b>Cộng</b>						22.000.000

Cộng thành tiền ( Viết bằng chữ): hai mươi hai triệu đồng

Xuất , Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị    Phụ trách cung tiêu    Kế toán trưởng    Người giao hàng    Thủ kho  
 ( Ký, họ tên)        ( Ký, họ tên)        ( Ký, họ tên)        ( Ký, họ tên)        ( Ký, họ tên)

**Biểu số 2.8**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông – An Dương -HP

**NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2010**

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
07/12/10	GBC 103	07/12/10	Rút TGNH về nhập quỹ	111	112	25.000.000
.....	.....	...	.....	....	....	.....
09/12/10	PT 07/12	15/12/10	CTY CP Nam Bình Phát trả tiền hàng	111	131	35.000.000
10/12/10	022174	10/12/10	Thuế GTGT đầu ra	111	333	1.200.000
10/12/10	S213810	14/12/10	Hoàng.T.Ngọc Hà rút tiền từ TK	111	112	150.000.000
11/12/10	PC1035	15/12/10	Nộp tiền thuế GTGT	3331	111	50.000.000
12/12/10	HĐ 83591	16/12/10	Mua NVL của CTY TNHH Nam Long	152	331	7.220.000
<b>12/12/10</b>	<b>PXK1213</b>	<b>12/12/10</b>	<b>Xuất bán thành phẩm</b>	<b>632</b>	<b>155</b>	<b>22.000.000</b>
14/12/10	HĐ 83591	16/12/10	ThuếGTGT được khấu trừ công ty Nam Long	133	331	722.000
15/12/10	PXK 8864	18/12/10	Xuất kho để giấy thẻ thao phục vụ sản xuất	621	152	3.610.000
19/12/10	GBN 78	29/12/10	CTY CP Nam Bình Phát trả tiền hàng	112	131	150.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/10	PKT 122	31/12/10	Kc doanh thu bán hàng quý IV	511	911	1.845.001.596
			<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>			<b>5.082.000.000</b>

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.9**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông – An Dương -HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	.....	...	...	...
10/12/10	Pxk 1210	10/12/10	Giá vốn lô dép ROVA cho công ty TNHH Hoàng Anh	155	8.700.000	
	...	.....	.....		.....	
12/12/10	PXK 1213	12/12/10	Giá vốn của lô giày bán cho công ty HUY ANH	155	22.000.000	
		.....	.....	..	.....	
31/12/10	KCH 40	31/12/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV	911		1.275.000.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>		1.275.000.000	1.275.000.000
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### 2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

- Tài khoản này sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động bán hàng gồm: chi phí vận chuyển, chi phí quảng cáo, chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí điện thoại, văn phòng phẩm ... phát sinh ở bộ phận bán hàng.

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí bán hàng không có số dư cuối

- *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT.
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

- *Tài khoản sử dụng:*

TK 641- Chi phí bán hàng. Trong đó:

TK 111- Tiền mặt.

TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

TK 331- Phải trả người bán.

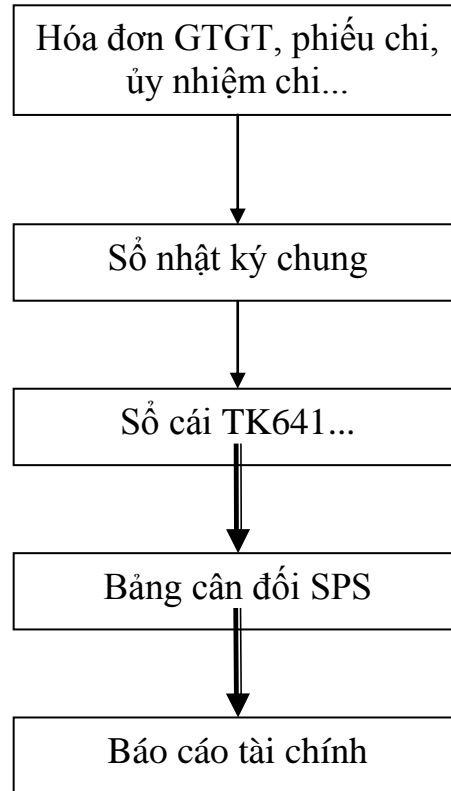
- *Sổ sách kế toán sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 641, TK 111,...

- *Quy trình hạch toán chi phí bán hàng*



### Sơ đồ 2.6 Quy trình ghi sổ kế toán chi phí bán hàng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối quý: ==>

Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT (*liên 2*), Phiếu chi, ủy nhiệm chi,... kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung .

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 641

Cuối quý, cộng số liệu trên Sổ cái TK 641 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ:** ngày 16/12/10 doanh nghiệp chi 1.320.00 mua đồng phục cho nhân viên bán hàng

**Biểu số 2.10**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số:01GTKT -3LL																
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>KX/2010B</b>																
Liên 2: Giao khách hàng			<b>0083599</b>																
Ngày 16 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Công ty may Thái Linh .....																			
Địa chỉ: : Số 22 Dư Hàng Kênh- Lê Chân – Hải Phòng																			
Số tài khoản: .....																			
Điện thoại: .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>3</td><td>4</td><td>2</td><td>5</td><td>2</td><td>2</td><td>3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	3	4	2	5	2	2	3				
0	2	0	3	4	2	5	2	2	3										
Họ tên người mua hàng: Trần Thu Thủy																			
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Kim Long .....																			
Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đồng – An Dương - HP .....																			
Số tài khoản: .....																			
Hình thức thanh toán: tiền mặt .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>2</td><td>2</td><td>2</td><td>2</td><td>3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	6	2	2	2	2	3				
0	2	0	0	6	2	2	2	2	3										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Áo đồng phục	cái	10	120,000	1.200.000														
Cộng tiền hàng:					1.200.000														
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			120.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>1.320.000</b>														
Số tiền viết bằng chữ: <i>một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng</i>																			
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															



**Biểu số 2.11**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG

Mẫu số 02 - TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

**Phiếu Chi số: PC10/12**

*Ngày 16 tháng 12 năm 2010*

**TK ghi nợ : 641**

**TK ghi có: 1111**

Họ tên người nhận tiền: : Công ty may Thái Linh

Địa chỉ: Số 22 Dư Hàng Kênh- Lê Chân – Hải Phòng

Lý do chi: thanh toán tiền đồng phục cho nhân viên bán hàng

Số tiền : 1 320 000

Bằng chữ: : *một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*

Kèm theo ..01..... chứng từ gốc

*Ngày 16 tháng 12 năm 2010*

Giám đốc  
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký,họ tên)

Người nhận tiền  
(ký,họ tên)

Người lập biểu  
(ký,họ tên)

Thủ quỹ  
(ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....  
 +Tỷ giá ngoại tệ ( vàng, bạc, đá quý).....  
 +Số tiền quy đổi .....

**Biểu số 2.12**

**Công ty cổ phần Kim Long**

**Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông – An Dương -HP**

**NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2010**

**Đơn vị tính: đồng**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
07/12/10	GBC 103	07/12/10	Rút TGNH về nhập quỹ	111	112	25.000.000
.....	.....	...	.....	....	....	.....
10/12/10	022174	10/12/10	Thuế GTGT đầu ra	111	333	1.200.000
10/12/10	S213810	10/12/10	Hoàng.T.Ngọc Hà rút tiền từ TK	111	112	150.000.000
11/12/10	PC1035	11/12/10	Nộp tiền thuế GTGT	3331	111	50.000.000
12/12/10	HĐ 83591	12/12/10	Mua NVL của CTY TNHH Nam Long	152	331	7.220.000
12/12/10	HĐ 83591	12/12/10	ThuếGTGT được khấu trừ công ty Nam Long	133	331	722.000
<b>16/12/10</b>	<b>HĐ83599</b>	<b>16/12/10</b>	<b>Thanh toán tiền đồng phục của bộ phận bán hàng cho công ty may Thái Linh</b>	<b>632</b>	<b>111</b>	<b>1.200.000</b>
16/12/10	HĐ83599	16/12/10	Thuế GTGT	133	111	120.000
19/12/10	GBN 78	19/12/10	CTY CP Nam Bình Phát trả tiền hàng	112	131	150.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/10	PKT 122	31/12/10	Kc doanh thu bán hàng quý IV	511	911	1.845.001.596
			<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>			<b>5.082.000.000</b>

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.13**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông – An Dương -HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 641

Tên tài khoản: chi phí hàng bán

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	.....	...	...	...
10/12/10	UNC 1232	10/12/10	Chi làm biển quảng cáo	111	8,700,000	
16/12/10	HĐ 83599	16/12/10	Thanh toán tiền đồng phục cho nhân viên bán hàng	111	1.200.000	
		.....	.....	..	.....	
31/12/10	KCH 40	31/12/10	Kết chuyển cp hàng bán quý IV	911		44.445.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>		44.445.000	44.445.000
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### 2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty chủ yếu là chi phí về lương, vật liệu văn phòng, phí và lệ phí, các chi phí khác liên quan đến quản lý doanh nghiệp.

Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

- *Chứng từ sử dụng:*

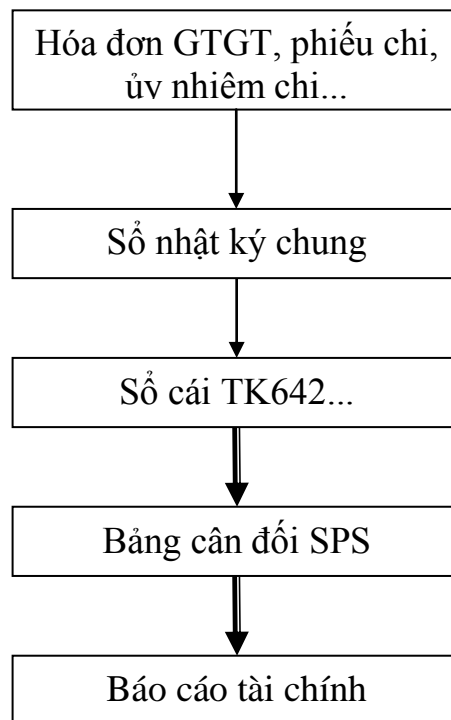
- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Ủy nhiệm chi
- Bảng thanh toán lương,....

- *Tài khoản sử dụng*

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

### Sơ đồ 2.7 Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối quý ==>

**Ví dụ:** Ngày 18/12/10 Công ty TNHH Bệnh viện máy tính AVC thay main máy tính phòng kế toán trị giá 920.000 đồng (VAT 10%).

**Biểu số 2.14**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT -3LL															
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>AA/2009T</b>															
Liên 2 : Giao cho khách hàng		<b>0083600</b>															
Ngày 18 tháng 12 năm 2010																	
Đơn vị bán hàng: công ty bệnh viện máy tính AVC.....																	
Địa chỉ: 12 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng .....																	
Số tài khoản: .....																	
Điện thoại: .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>2</td><td>1</td><td>4</td><td>8</td><td>5</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>				0	2	0	0	4	2	1	4	8	5				
0	2	0	0	4	2	1	4	8	5								
Họ tên người mua hàng:																	
Tên đơn vị: công ty cổ phần Kim Long .....																	
Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông – An Dương -HP																	
Số tài khoản: Tiền mặt.....																	
Hình thức thanh toán: Chưa TT .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>2</td><td>2</td><td>2</td><td>2</td><td>3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>				0	2	0	0	6	2	2	2	2	3				
0	2	0	0	6	2	2	2	2	3								
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x2												
1	Mainboard	Bộ	01	836.364	836.364												
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ					836.364												
Thuế GTGT: 10 %      Tiền thuế GTGT:					83.636												
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>920.000</b>												
Số tiền viết bằng chữ: <i>chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn</i>																	
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>													





**Biểu số 2.15**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG**

**Mẫu số 02 - TT**

Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

**Phiếu Chi số: PC14/12**  
*Ngày 18 tháng 12 năm 2010*

**TK ghi nợ : 642,133**  
**TK ghi có: 1111**

Họ tên người nhận tiền: : Công ty TNHH Bệnh viện máy tính AVC

Địa chỉ: Số 45H Lê Đại Hành, Hồng Bàng, HP

Lý do chi: Thay main máy tính phòng kế toán

Số tiền : 920 000

Bằng chữ: : *Chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn*

Kèm theo ..01..... chứng từ gốc

*Ngày 18 tháng 12 năm 2010*

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....  
 +Tỷ giá ngoại tệ ( vàng, bạc, đá quý).....  
 +Số tiền quy đổi .....

**Biểu số 2.16**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đồng – An Dương -HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Quý IV 2010

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	.....	...	...	...
...	...	...	.....	...	...	...
18/12/10	PC 852	18/12/10	Thay main máy tính phòng kế toán	1111	836.364	
...	...	...	.....	...	...	...
31/12/10	KCH 43	31/12/10	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		54.835.428
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>54.835.428</b>	<b>54.835.428</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## **2.2.4. Kế toán hoạt động khác tại Công ty Cổ phần Kim Long**

### **2.2.4.1 Kế toán thu nhập khác**

Thu nhập khác là những khoản thu nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền cho thuê, thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.

❖ Tài khoản sử dụng: TK 711: "*Thu nhập khác*"

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Phiếu thu

❖ Sổ sách sử dụng:

Sổ cái TK 711

Tại công ty Cổ phần Kim Long năm 2010 không phát sinh khoản thu nhập khác.

## **2.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính**

### **2.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh năm 2010 của công ty cổ phần Kim Long là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng.

• *Tài khoản sử dụng:*

TK 515: "*Doanh thu hoạt động tài chính*"

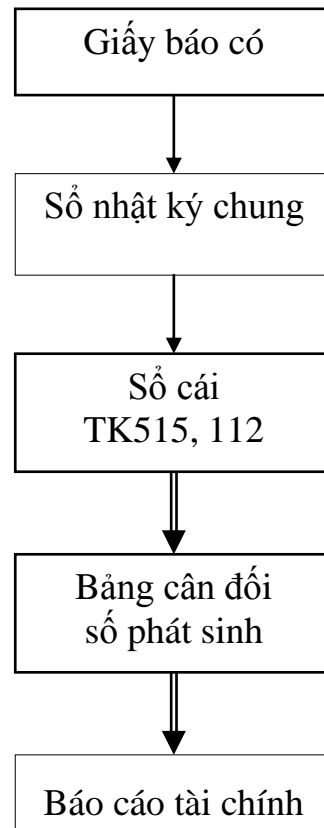
• *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu

• *Sổ sách sử dụng:* Sổ cái TK 515

• *Quá trình hạch toán:*

### Sơ đồ 2.8 Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



**Ghi chú:**

—————> : Nhập số liệu hàng ngày

=====> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

**Ví dụ:** Ngày 31/12/2010, Ngân hàng kỹ thương Việt Nam Techcombank trả lãi tiền gửi cho công ty 206.629 đồng.

**Biểu số 2.17**

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THƯƠNG VIỆT NAM  
 HPG-TCB HAI PHONG  
 MST: 0100230800-004



Theo công văn số 21208/CT/AC  
 Cục thuế Hà Nội

**PHIẾU BÁO CÁO**

Trang 1/1

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi : CT CO PHAN KIM LONG

Số tài khoản

Địa chỉ : SO 483 DUONG 208 AN DONG –

:109.20027689.01.5

An Dương -HP

Loại tiền : VND

Mã số thuế: 0200622223

Loại tài khoản: TIEN GUI

Số ID khách hàng: .20027689

THANH TOAN

Số bút hạch toán:

1002002658015-200100131

**Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:**

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	206,629.00
Tổng số tiền	206,629.00

Số tiền bằng chữ : **Hai trăm linh sáu nghìn sáu trăm hai mươi chín VND chẵn**

Trích yếu : Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 12/2010

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

**Biểu số 2.18**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông – An Dương -HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Quý IV/2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
30/11/10	GBC 112	30/11/10	Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi	112		206.008
31/12/10	GBC 215	31/12/10	Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi	112		206.629
30/09/10	KCH 38	30/09/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	412.637	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		412.637	412.637
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### 2.3.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính

- Tài khoản sử dụng:

TK 635: "chi phí hoạt động tài chính"

- Chứng từ sử dụng:

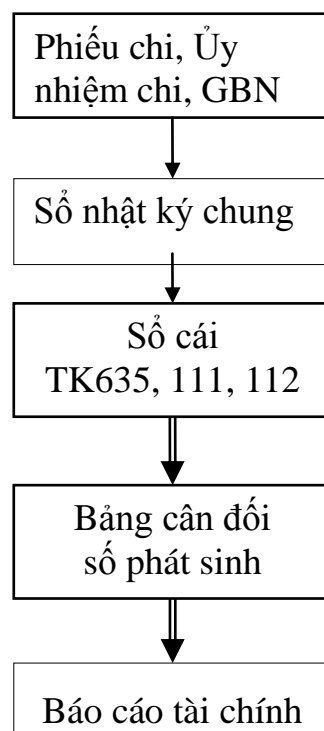
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ

- Sổ sách sử dụng:

Sổ cái TK 635

- Quy trình hạch toán:

#### Sơ đồ 2.9 sơ đồ hạch toán chi phí tài chính



#### Ghi chú:

- : Nhập số liệu hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

#### Ví dụ

Ngày 26/12/10 thanh toán phí kiểm đếm tiền tại Ngân hàng Techcombank bằng tiền mặt 16.500 đồng (VAT 10%).

**Biểu số 2.19**

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THƯƠNG VIỆT NAM  
 HPG-TCB HAI PHONG  
 MST: 0100230800-004



Theo công văn số 21208/CT/AC  
 Cục thuế Hà Nội

**PHIẾU BẢO NỢ**

Trang 1/1

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Ngày 26 tháng 12 năm 2010

Kính gửi : CT CO PHAN KIM LONG

Số tài khoản

Địa chỉ : SO 483 DUONG 208 AN

:109.20027689.01.5

DONG – An Dương -HP

Loại tiền : VND

Mã số thuế: 0200622223

Loại tài khoản: TIEN GUI

Số ID khách hàng: 20027689

THANH TOAN

Số bút hạch toán:

1002002658015-200100131

**Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:**

Nội dung	Số tiền
PHI KIEM DEM TIEN	15,000.00
Thuê gia tri gia tang phai nop	1,500.00
Tổng phí + VAT	16,500.00
Tổng số tiền	16,500.00

Số tiền bằng chữ:

**Mười sáu nghìn năm trăm VND chẵn**

Trích yếu:

THU PHI KIEM DEM-CT CO PHAN KIM LONG

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

**Biểu số 2.20**



Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đồng – An Dương -HP

## SỔ CÁI

Số hiệu TK: 635

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
...	...	...	.....	...	...	...
26/12/10	GBN 198	26/09/10	Phí kiểm đếm tiền tại NH Techcombank	111	16.500	
30/09/10	KC 85	30/09/10	Kết chuyển chi phí tài chính	911		1.653.248
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.653.248</b>	<b>1.653.248</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### 2.3.3. Tổ chức kế toán chi phí khác

❖ Tài khoản sử dụng: TK 811: "Chi phí khác"

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Phiếu chi

❖ Sổ sách sử dụng

Sổ cái TK 811

*Nội dung chi phí khác tại công ty:*

Chi phí đi đòi nợ

Chi khắc phục sự cố cháy nổ

Chi biếu tặng

Chi phí thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ

*Trong năm 2010, tại công ty không phát sinh khoản chi phí đi đòi nợ, chi biếu tặng.*

## 2.4. Xác định kết quả kinh doanh

### 2.4.1. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế bắt buộc hàng năm doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước

Tại công ty Cổ phần Kim Long thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} * \text{thuế suất thuế TNDN}$$

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà công ty đang tính hiện nay là: 25%

### 2.4.2. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kế toán công ty sử dụng tài khoản 911 để hạch toán xác định kết quả kinh doanh vào cuối mỗi tháng:

- Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu sang bên có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK 911

- Kết quả kinh doanh = Số phát sinh Có TK 911 - Số phát sinh Nợ TK 911

- Nếu kết quả kinh doanh nhỏ hơn 0, vậy tháng đó công ty làm ăn thua lỗ. Kế toán sẽ ghi:

Nợ TK 421

Có TK 911

- Nếu kết quả kinh doanh lớn hơn 0 thì kế toán phải tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhà nước sau đó hạch toán chi phí thuế TNDN vào TK 821

Thuế TNDN = (Số PS Có TK 911 - Số PS Nợ TK 911) \* thuế suất thuế TNDN

- Sau khi tính được số thuế TNDN thực tế phải nộp kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911 từ đó xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421

**Ví Dụ:** Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào nhật ký chung rồi vào sổ cái các TK.

**Biểu số 2.21**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 120

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	1.275.000.000	
Quý IV	632		1.275.000.000
Cộng		1.275.000.000	1.275.000.000

**Biểu số 2.22**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:121

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý IV	511	1.845.001.596	
	911		1.845.001.596
Cộng		1.845.001.596	1.845.001.596

**Biểu số 2.23**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:122

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển chi phí hàng bán Quý IV	911	44.445.000	
	641		44.445.000
Cộng		44.445.000	44.445.000

**Biểu số 2.24**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:123

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý IV	911	54.835.428	
	642		54.835.428
Cộng		54.835.428	54.835.428

**Biểu số 2.25**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:124

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu hoạt động tc	515	412.637	
	911		412.637
Cộng		412.637	412.637

**Biểu số 2.26**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:125

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển chi phí tài chính	911	1.653.248	
	635		1.653.248
Cộng		1.653.248	1.653.248

**Biểu số 2.27**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:126

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển thuế TNDN quý IV	911	117.370.140	
	821		117.370.140
Cộng		117.370.140	117.370.140

**Biểu số 2.28**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:127

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển lãi	911	352.110.417	
	421		352.110.417
Cộng		352.110.417	352.110.417

**Biểu số 2.29**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông - An Dương - HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 911

Tên Tài Khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Quý IV Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/12/10	PKT120	31/12/10	Kết chuyển giá vốn	632	1.275.000.000	
31/12/10	PKT121	31/12/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		1.845.001.596
31/12/10	PKT122	31/12/10	Kết chuyển cp bán hàng	641	44.445.000	
31/12/10	PKT123	31/12/10	Kết chuyển chi phí QLDN	642	54.835.428	
31/12/10	PKT124	31/12/10	Kc doanh thu tc	515		412.637
31/12/10	PKT125	31/12/10	Kc chi phí tc	635	1.653.248	
31/12/10	PKT126	31/12/10	Kết chuyển TNDN	821	117.370.140	
31/12/10	PKT127	31/12/10	Kết chuyển lãi	421	352.110.417	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>1.845.414.233</b>	<b>1.845.414.233</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.30**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông - An Dương - HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 421

Tên Tài Khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Quý IV Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ quý IV			<b>814.669.700</b>
31/12/2010	PKT126	31/12/10	Kết chuyển lãi	911		352.110.417
			Cộng SPS quý IV			<b>352.110.417</b>
			Số dư cuối kỳ			<b>1.166.780.117</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Biểu số 2.31**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông - An Dương - HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 821

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Quý IV Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu quý IV</b>			
31/12/10	PKT124	31/12/10	Thuế TNDN phải nộp quý IV	3334	117.370.140	
31/12/10	PKT125	31/12/10	K/C chi phí thuế TNDN	911		117.370.140
			<b>Cộng số phát sinh quý IV</b>		<b>117.370.140</b>	<b>117.370.140</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.32**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đông - An Dương - HP

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
QUÝ IV**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV	Quý III
<b>1. Doanh thu bán hàng và CCDV</b>	<b>01</b>	VI.25	<b>1.845.001.596</b>	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1.845.001.596</b>	
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	VI.27	1.275.000.000	
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>570.001.596</b>	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	412.637	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1.653.248	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		44.445.000	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		54.835.428	
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>469.480.557</b>	
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>			
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>469.480.557</b>	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	<b>117.370.140</b>	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>352.110.417</b>	
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>			

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### CHƯƠNG III

## HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG

### 3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Long

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít những khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù với những tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty, sự năng động, sự sáng tạo, nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tin nhiệm.

Để đạt được những thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần Kim Long, được sự giúp đỡ của các anh, chị trong phòng kế toán và sự hướng dẫn chỉ bảo của Th.s Trần Thị Thanh Thảo, em đã hoàn thành công việc nghiên cứu công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Long. Bằng những kiến thức đã học cộng với những kiến thức thực tế em đã rút ra một số ý kiến nhận xét, đánh giá riêng của mình như sau:

#### 3.1.1. *Đánh giá chung*

Công ty cổ phần Kim Long là một công ty có uy tín. Công ty có chế độ khen thưởng phù hợp, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên.

Ngoài ra hàng năm công ty tổ chức các chuyến thăm quan cho cán bộ công nhân viên góp phần tăng thêm gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với công ty.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý như giúp doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

### **3.1.2. Ưu điểm**

- *Về hình thức kế toán*

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu mà còn tiết kiệm được thời gian công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.

- *Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*  
+ *Chứng từ sử dụng:*

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ. Vì vậy đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

- + *Tài khoản, sổ sách sử dụng:*

Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế.

*Nhìn chung công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ các tài khoản và sổ sách*

dùng để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại đơn vị.

+ Về tổ chức kế toán doanh thu:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Về công tác kế toán chi phí:

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

### **3.1.3. Hạn chế**

Trong những năm đầu mới thành lập, công ty đã cố gắng xây dựng bộ máy quản lý cũng như xây dựng bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý và công ty đã đạt được những thành tựu nhất định.

Tuy nhiên, cùng với những mặt ưu điểm thì công tác hạch toán kế toán của công ty vẫn còn những mặt tồn tại.

#### *3.1.3.1. Về việc thu hồi doanh thu bán chịu*

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn đang là một vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý. Trong khi Công ty cần vốn để đáp ứng đúng tiến độ, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao, mở rộng mặt hàng kinh doanh vậy mà Công ty lại bị chiếm dụng vốn. Điều đó chứng tỏ Công ty chưa áp dụng các biện pháp giảm trừ doanh thu một cách hiệu quả đặc biệt là các khoản chiết khấu thanh toán trong quá trình bán hàng.

##### *Ảnh hưởng:*

Do bị khách hàng chiếm dụng vốn nên doanh nghiệp không có lượng tiền lớn để mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ điều này có ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của doanh

#### *3.1.3.2. Về việc áp dụng chiết khấu*

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

#### *3.1.3.3 Về kế toán xác định kết quả kinh doanh*

Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

## **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Long**

### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Long**

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy nên tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

### **3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Long**

#### **3.2.2.1 . Kiến nghị về việc thu hồi công nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Do bị khách hàng chiếm dụng vốn nên doanh nghiệp không có lượng tiền mặt nhiều để mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ điều này có ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

**Biểu số 3.1**

Công ty cổ phần Kim Long

Địa chỉ: số 483 Đường 208 An Đồng – An Dương -HP

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2010**

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Mã số thuế	Công nợ đến 31/12/2010		Ghi chú
			Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Công ty CP Hoàng Long	0309525958		38.500.000	Khách hàng đặt tiền trước
2	Nguyễn Văn Phương, An Đồng, An Dương, HP		5.783.800		Phát sinh ngày 02/11/2009, hạn tt 27/11/2009 - không thu hồi được
3	Cửa hàng 35/2 Hải Dương	0200617713	58.750.000		Phát sinh ngày 28/02/2010, quá hạn thanh toán 08 tháng
4	Công ty TNHH Minh Anh	0200581866		35.180.000	Khách hàng đặt tiền trước
5	Xí nghiệp 583	0200138742-002		78.980.500	Khách hàng đặt tiền trước
7	Công ty TNHH Linh Phương	0200844723	150.200.000		Đang chờ giấy báo có của Ngân hàng
8	Khách lẻ			10.000.000	Khách hàng đặt tiền trước
<b>Tổng cộng</b>			<b>214.733.800</b>	<b>162.660.500</b>	

Kế toán trưởng

Kế toán viên



Theo báo cáo trên thì:

Công ty cần trích lập dự phòng trong năm 2010 với khoản nợ của cửa hàng 35/2 Hải Dương

Đồng thời phải tiến hành xóa sổ khoản nợ Nguyễn Văn Phương, An Đông, An Dương, HP phát sinh ngày 02/11/2009 được xác định là không thể thu hồi do khách hàng đã ra nước ngoài, không liên lạc được.

Tuy nhiên công ty không tiến hành trích lập dự phòng cũng như không tiến hành xử lý xóa sổ. Việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính khi trong tương lai doanh nghiệp không thu hồi được nợ.

• **Kiến nghị:**

- Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng.
- Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán.
- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xóa nợ

**Ví dụ:** Đối với khoản nợ của Nguyễn Văn Phương, đến cuối kỳ kế toán , doanh nghiệp cần tiến hành xóa nợ:

Nợ TK 6422: 5.783.800

Có TK 131: 5.783.800

Đồng thời ghi: Nợ TK 004: 5.783.800

**Ví dụ:** Trích lập dự phòng đối với khoản nợ của cửa hàng 35/2 Hải Dương

Căn cứ vào thông tư 228/2009/TT- BTC doanh nghiệp có thể xây dựng mức trích lập dự phòng như sau:

Quá hạn thanh toán (t)	Mức trích lập dự phòng
6 tháng < t < 1 năm	30%
1 năm < t < 2 năm	50%
2 năm < t < 3 năm	70%
t > 3 năm	100% (coi như khoản nợ không đòi được)

Theo trên, tính số dự phòng phải thu khó đòi năm 2010:

Số dự phòng phải thu khó đòi = 58.750.000 x 30% = 17.625.000 (đồng)

**Biểu số 3.2**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:

TT	Mã TK	Tên TK	Diễn giải	PS Nợ	PS Có
1	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2010	17.625.000	
2	1592	Dự phòng phải thu khó đòi	Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2010		17.625.000
Tổng cộng				17.625.000	17.625.000

Bằng chữ: Mười bảy triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

Người lập biểu

### 3.2.2.2. Về doanh thu tiêu thụ hàng hoá

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán.

- *Chiết khấu thương mại:*

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

*Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:*

*Đối với khách hàng thường xuyên:* ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng.

*Đối với khách hàng lần đầu:* có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 5211 "*Chiết khấu thương mại*". Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

*Phương pháp hạch toán như sau:*

1. Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 5211 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

2. Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 - Chiết khấu thương mại

• *Chiết khấu thanh toán:*

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính.

Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp. Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian, cụ thể:

- Nếu khách hàng thanh toán từ 1 đến 5 ngày sẽ được hưởng mức chiết khấu 1.5%

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ 6 đến 10 ngày sẽ được hưởng mức chiết khấu 1%.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ 11 đến 15 sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.5%.

**Phương pháp hạch toán**

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 - Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí cty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán hạch toán:

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 11,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng.

*Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:*

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Với các biện pháp khuyến mãi này có thể công ty không thể giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

**Ví dụ:** Dựa vào sổ chi tiết TK131 đối tượng công ty CP Nam Bình Phát đối với hợp đồng bán lô giày da cao cấp vào ngày 29/12/10 tổng số tiền thanh toán là 150.000.000 (bao gồm VAT 10%) công ty đã thanh toán ngay, công ty cp Nam Bình Phát được hưởng 1 khoản CK thanh toán 1,5%:

$$\text{Số tiền CK} = 150.000.000 \times 1.5\% = 2.250.000$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 2.250.000

Có TK 111: 2.250.000

*Cuối tháng kế toán kết chuyển chi phí tài chính như sau:*

Nợ TK 911: 2.250.000

Có TK 635: 2.250.000



**Biểu số 3.3**

<p><b>CÔNG TY cổ phần KIM LONG</b></p>	<p><b>Mẫu số 02 - TT</b>                  Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC                  Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC</p> <p><b>Phiếu Chi số: PC10/12</b>  <i>Ngày 29 tháng 12 năm 2010</i></p>			
	<p><b>TK ghi nợ : 635</b>  <b>TK ghi có: 1111</b></p>			
<p>Họ tên người nhận tiền: : Công ty cp Nam Bình Phát</p> <p>Địa chỉ: Số 22 Dư Hàng Kênh- Lê Chân – Hải Phòng                  Lý do chi: chi chiết khấu thanh toán</p> <p>Số tiền : 2.250.000</p> <p>Bằng chữ: : <i>hai triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn</i></p> <p>Kèm theo ..01..... chứng từ gốc</p> <p style="text-align: right;"><i>Ngày 29 tháng 12 năm 2010</i></p>				
<p>Giám đốc (ký,họ tên)</p>	<p>Kế toán trưởng (ký,họ tên)</p>	<p>Người nhận tiền (ký,họ tên)</p>	<p>Người lập biểu (ký,họ tên)</p>	<p>Thủ quỹ (ký,họ tên)</p>
<p>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....</p> <p>+Tỷ giá ngoại tệ ( vàng, bạc, đá quý).....</p> <p>+Số tiền quy đổi .....</p>				

### 3.2.2.3. Về kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán nên tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty hàng tháng hoặc hàng quý để trình lên Ban giám đốc nhằm giúp nhà quản lý kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

### 3.2.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ chính xác tin cậy cao, giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời nhưng khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

## KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khoá luận: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Long đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, về kế toán doanh thu, kế toán chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Đã phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Kim Long năm 2010 để chứng minh cho khóa luận.

- Đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Kim Long: khóa luận đã đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh ở Công ty. Những kiến nghị này tuy còn mang màu sắc lý thuyết song phần nào cũng có cơ sở và xuất phát từ thực tế nên cũng mang tính khả thi. Đó cũng là đóng góp nhỏ bé vào công tác hạch toán kế toán hiện nay.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các cô, chú cán bộ Công ty cổ phần Kim Long, của các thầy cô và cô giáo hướng dẫn.



Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc công ty cổ phần Kim Long, các cô chú, các anh chị trong phòng Tài chính kế toán của Công ty và cô giáo hướng dẫn đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

*Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....*

**Sinh viên**

**Nguyễn Thị Duyên**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 2- Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ tài chính
  - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
  - Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
- 3- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 4- Khóa luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng.

# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
<b>CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>5</b>
<b>1.1. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</b>	<b>5</b>
1.1.1. Khái quát về doanh thu .....	5
1.1.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	5
1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.1.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính .....	8
1.1.1.4. Thu nhập khác .....	8
1.1.2. Khái quát về chi phí .....	9
1.1.2.1. Giá vốn hàng bán.....	9
1.1.2.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp .....	9
1.1.2.3. Chi phí bán hàng.....	10
1.1.2.4. Chi phí tài chính.....	11
1.1.2.5. Chi phí khác .....	11
1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	11
<b>1.2. Phân loại hoạt động và cách xác định lợi nhuận từng hoạt động trong Doanh nghiệp.....</b>	<b>12</b>
<b>1.3. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</b>	<b>13</b>
1.3.1 Các phương thức bán hàng.....	13
1.3.1.1 Phương thức bán hàng trực tiếp .....	13
1.3.1.2. Phương thức bán hàng trả góp .....	14
1.3.1.3. Phương thức giao hàng đại lý.....	14
1.3.2. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, thu nhập .....	15
1.3.2.1. Công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	15

1.3.2.2. Công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	19
1.3.2.3. Công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	23
1.3.2.4. Kế toán thu nhập khác.....	26
1.3.3. Công tác kế toán chi phí.....	28
1.3.3.1. Công tác kế toán giá vốn hàng bán.....	28
1.3.3.2. Công tác kế toán chi phí bán hàng .....	32
1.3.3.3. Công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	34
1.3.3.4. Công tác kế toán chi phí tài chính .....	36
1.3.3.5 Công tác kế toán chi phí khác .....	38
1.3.4. Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	39
1.4. Hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp .....	42
<b>CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN</b>	
<b>DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	
<b>TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG .....</b>	<b>44</b>
<b>2.1. Một số nét khái quát về công ty cổ phần Kim Long .....</b>	<b>44</b>
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Kim Long.....	44
2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần Kim Long .....	45
2.1.3.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần Kim Long .....	47
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần Kim Long .....	47
2.1.3.2. Hình thức kế toán.....	48
2.1.3.3. Một số đặc điểm trong công tác kế toán khác .....	50
<b>2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết</b>	
<b>quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Long .....</b>	<b>50</b>
2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại công	
ty cổ phần Kim Long.....	50
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Kim Long.....	59
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	64
2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	64
2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	70

2.2.4. Kế toán hoạt động khác tại Công ty Cổ phần Kim Long.....	75
2.2.4.1 Kế toán thu nhập khác.....	75
<b>2.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....</b>	<b>75</b>
2.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	75
2.3.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	79
2.3.3. Tổ chức kế toán chi phí khác .....	82
<b>2.4. Xác định kết quả kinh doanh .....</b>	<b>82</b>
2.4.1. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	82
2.4.2. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	82
<b>CHƯƠNG III. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH</b>	
<b>THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI</b>	
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG.....</b>	<b>91</b>
<b>3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác</b>	
<b>định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Long.....</b>	<b>91</b>
3.1.1. Đánh giá chung.....	91
3.1.2. Ưu điểm.....	92
3.1.3. Hạn chế.....	93
3.1.3.1. Về việc thu hồi doanh thu bán chịu.....	94
3.1.3.2. Về việc áp dụng chiết khấu.....	94
3.1.3.3 Về kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	94
<b>3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi</b>	
<b>phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Long .....</b>	<b>95</b>
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định	
kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Long .....	95
3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi	
phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Kim Long .....	95
3.2.2.1 . Kiến nghị về việc thu hồi công nợ và trích lập dự phòng nợ phải	
thu khó đòi.....	95
3.2.2.2. Về doanh thu tiêu thụ hàng hoá .....	99

<i>3.2.2.3. Về kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>103</i>
3.2.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	103
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>101</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>106</b>